



DAMSAN

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

2024



MỤC LỤC

A

PHẦN MỞ ĐẦU

04

I. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT	06
1. Một số chỉ tiêu chính	08
II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	09
1. Tầm nhìn	09
2. Sứ mệnh	09
3. Giá trị cốt lõi	09

B

THÔNG TIN CHUNG

10

1. Thông tin khái quát	12
2. Quá trình hình thành và phát triển	13
3. Các giải thưởng nổi bật của DAMSAN	14
4. Ngành nghề và Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính	15
5. Địa bàn kinh doanh	17
6. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	18
7. Vị thế	21
8. Các nhân tố rủi ro	23

C

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

27

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	28
1. Thông tin ngành	28
2. Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch	29
3. Kết quả kinh doanh qua các năm	30
4. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận	31
5. Ban Tổng Giám đốc	32
6. Nhân sự và chính sách nhân sự	33
II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN	34
1. Các khoản đầu tư lớn trong năm	34
2. Tiến độ thực hiện các Dự án của Công ty	34
3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	35
III. CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU	36
1. Cổ phần	36
2. Cơ cấu cổ đông	36
3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	37

D

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

38

I. NHỮNG THÁCH THỨC VÀ THUẬN LỢI TRONG NĂM 2024	40
II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2024	41
III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	42
IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025	43
1. Điều hành và quản trị Công ty trong năm 2025	43
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty mẹ năm 2025	43
3. Kế hoạch đầu tư mới	44
4. Giải pháp và biện pháp để thực hiện được các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024	45
5. Báo cáo đánh giá liên quan trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty	45

E

BÁO CÁO CỦA HĐQT

46

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	48
1. Đánh giá kinh tế vĩ mô, ngành	49
2. Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của ban tổng giám đốc	50
3. Định hướng hoạt động của hội đồng quản trị năm 2025	50

F

QUẢN TRỊ CÔNG TY

51

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	52
II. BAN KIỂM SOÁT	56
III. CÁC GIAO DỊCH, THU LẠO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT	58

G

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

61

I. TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG	62
II. TIÊU THỤ NƯỚC	62
III. TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG	63
IV. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	63
V. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG	63
VI. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	64
VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2024	65



PHẦN MỞ ĐẦU

I. THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

1. Một số chỉ tiêu chính

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Tầm nhìn

2. Sứ mệnh

3. Giá trị cốt lõi





THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Damsan,

Thay mặt Công ty, Tôi muốn gửi đến toàn thể quý vị một lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, thành công trong mọi công việc. Trong bối cảnh một năm mới đã bắt đầu, tôi muốn chia sẻ một số nhận định về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Damsan trong năm 2024 vừa qua.

Hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi của Công ty Cổ phần Damsan là lĩnh vực sản xuất sợi. Đây không chỉ là lĩnh vực có vai trò quan trọng trong nền kinh tế mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc tham gia vào chuỗi cung ứng của nhiều sản phẩm và dịch vụ đa dạng cho khách hàng trên toàn cầu. Trong năm 2024, kết quả kinh doanh của lĩnh vực sản xuất sợi của ADS được cải thiện khi nhu cầu từ thị trường Trung Quốc và Nhật Bản tăng trở lại. Tổng kết năm 2024, ADS đã đạt được kết quả tương đối khả quan với sản lượng sản xuất và xuất khẩu sợi đạt 12.163,53 tấn; kinh doanh khăn 2.776,40 tấn, kinh doanh bông đạt 4.697,51 tấn.

Tổng kết năm 2024, Công ty Cổ phần Damsan đã đạt doanh thu thuần hợp nhất là 1.628,96 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 55,13 tỷ đồng.

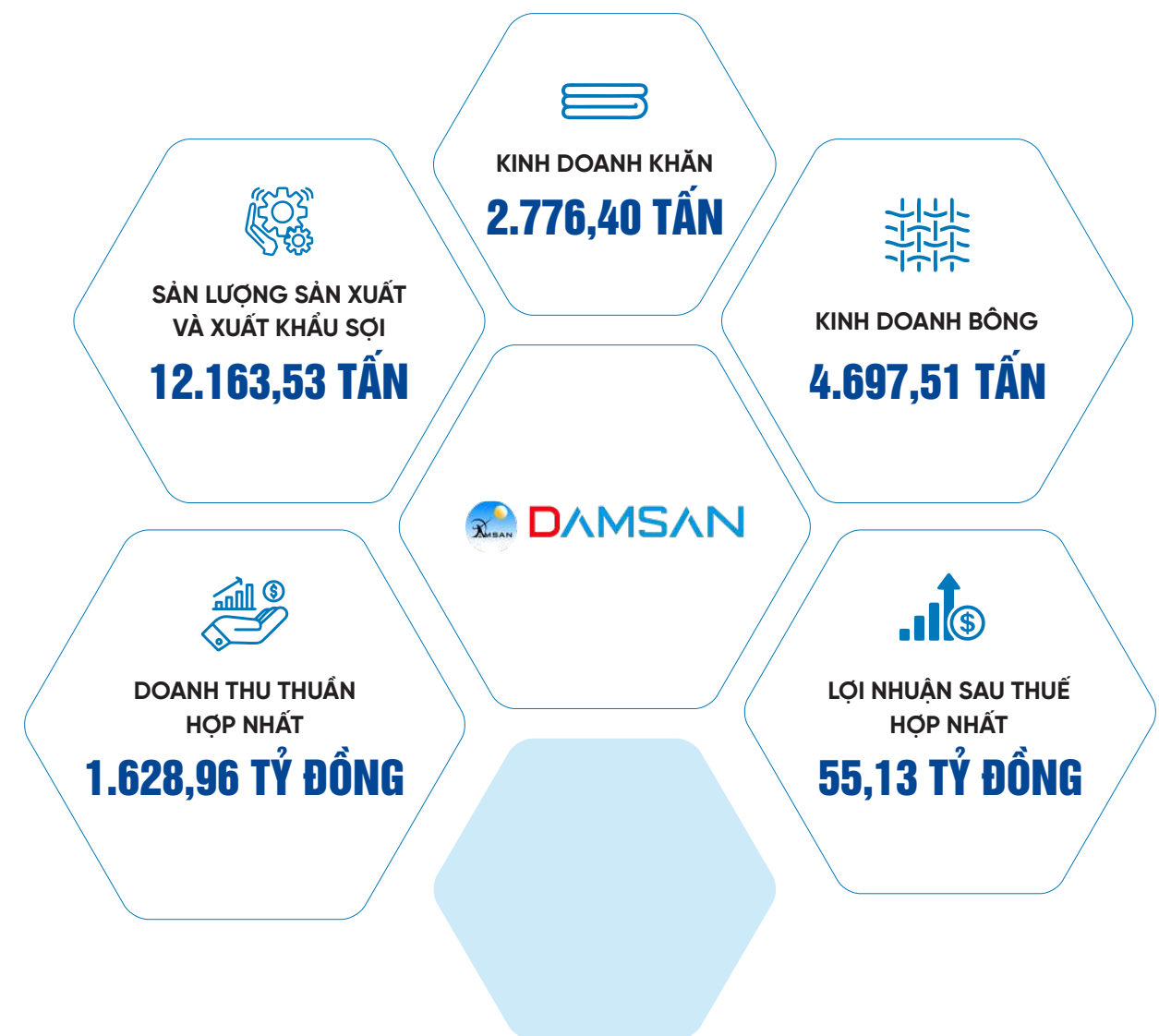
Tuy nhiên, để tiến xa hơn và đạt được những mục tiêu lớn mà chúng ta đã đề ra, chúng ta cần phải duy trì và tăng cường sự cam kết và sự nỗ lực của mỗi cá nhân trong công ty. Chúng ta cần phải làm việc cùng nhau với tinh thần đoàn kết, sáng tạo và kiên nhẫn để vượt qua những thách thức và khó khăn.

Tôi tin rằng, với tinh thần cầu tiến sáng tạo và sự chủ động trong công việc, chúng ta sẽ tiếp tục đạt được những thành công lớn lao và phát triển bền vững trong thời gian tới.

Xin cảm ơn tất cả Quý vị đã đóng góp và đồng hành cùng sự phát triển của Công ty Cổ phần Damsan trong thời gian qua. Tôi cùng toàn thể ban lãnh đạo Công ty quyết tâm giữ vững tinh thần làm việc chuyên nghiệp và đam mê để cùng nhau xây dựng một tập thể vững mạnh, cùng nhau đóng góp tạo nên các giá trị bền vững cho xã hội.

Thay mặt Hội đồng quản trị


CHỦ TỊCH H.Đ.Q.T
Vũ Huy Đông



1. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH

NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2023	NĂM 2024
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
Doanh thu	Tỷ đồng	1.339,29	1.513,15	1.692,60	1.641,85	1.628,99
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.339,01	1.513,15	1.692,56	1.641,85	1.628,96
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	1.275,63	1.335,82	1.555,06	1.455,82	1.495,36
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	63,38	177,33	137,51	186,02	133,60
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	28,1	113,61	86,23	86,46	63,52
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	24,44	100,49	74,94	74,99	55,13
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.837,89	1.985,17	2.181,69	2.503,79	2.603,85
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	280,69	380,69	437,79	583,95	763,95
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	422,14	583,90	657,09	918,25	957,32
Nợ phải trả	Tỷ đồng	1.415,75	1.401,27	1.524,60	1.585,54	1.646,52
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	5,10	19,98	12,08	9,52	5,88
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	1,18	5,26	3,60	3,20	2,16
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	Cổ phiếu	28.069.450	38.069.450	43.779.034	58.394.727	76.394.727
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu	750	2.952	1.705	1.120	633

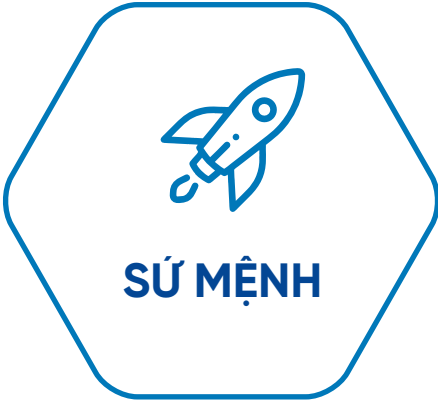
(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán các năm của ADS)

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



TẦM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng đầu hàng đầu, tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển tập trung chuyển đổi vào lĩnh vực sản xuất công nghệ cao nhưng vẫn giữ cốt lõi là dệt may và bất động sản.



SỨC MỆNH

Chúng tôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện. Lấy tầng lớp thu nhập trung lưu và thu nhập thấp làm trung tâm.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG:

Phục Vụ Khách Hàng: Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

ĐỒNG TÂM HIỆP LỰC:

Mỗi người trong DAMSAN cần chung sức cùng nhau hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

LIÊN TỤC CẢI TIẾN:

Không thỏa mãn với hiện trạng, luôn khát vọng cải tiến kết quả công việc, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống.

CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN:

Gắn kết sự phát triển của DAMSAN với mọi người trong xã hội và mỗi cán bộ công nhân viên DAMSAN.



THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Các giải thưởng nổi bật của DAMSAN
4. Ngành nghề và Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính
5. Địa bàn kinh doanh
6. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
7. Vị thế
8. Các nhân tố rủi ro



I. THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

THÁNG 03/2006

Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Thái Bình và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ Hà Nội (Artexport) đã đàm phán hợp tác đầu tư thực hiện dự án Nhà máy kéo sợi dệt may hoàn tất công suất 3.500 tấn/năm tại Thái Bình. Tháng 4/2006, UBND tỉnh Thái Bình đã ra quyết định phê duyệt dự án và cho Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Thái Bình thuê đất để xây dựng Nhà máy sợi tại Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh – Thái Bình. Tháng 05/2006, Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Thái Bình và các thành viên trong công ty XNK thủ công mỹ nghệ quyết định góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Dệt sợi Damsan và quyết định để cho Công ty Cổ phần Dệt sợi Damsan làm chủ đầu tư và thực hiện dự án.

THÁNG 06/2006

Công ty khởi công xây dựng nhà máy Damsan I với tổng vốn đầu tư 121 tỷ đồng với công suất 2.880 tấn sợi OE/năm và 2.220 tấn sợi CD/năm tại khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, TP. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình với các máy móc chính nhập từ Cộng hòa LB Đức và Thụy Sĩ.

NGÀY 12/06/2006

Sở Kế hoạch Đầu tư Thái Bình cấp giấy phép kinh doanh lần đầu số 0803000284 cho Công ty Cổ phần Dệt sợi Damsan.

TÊN CÔNG TY	CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP SỐ	1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 15 tháng 08 năm 2023
VỐN ĐIỀU LỆ	763.947.270.000 đồng
ĐỊA CHỈ	Lô A4 – Đường Bùi Viện, KCN.Nguyễn Đức Cảnh Thành phố Thái Bình
SỐ ĐIỆN THOẠI	(022) 7364.3826
SỐ FAX	(022) 7364.2312
WEBSITE	http://damsanjsc.vn
MÃ CỔ PHIẾU	ADS
SÀN GIAO DỊCH	HSX

THÁNG 6/2010

Công ty tiếp tục mở rộng đầu tư nhà máy Damsan II với tổng vốn đầu tư là 10 triệu USD với công suất là 3.600 tấn sợi OE/năm và 720 tấn khăn/năm tại khu công nghiệp Gia Lễ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Các máy móc dây chuyền công nghệ hiện đại được nhập khẩu từ Cộng hòa LB Đức, Thụy Sĩ, Nhật Bản...

NĂM 2013

Công ty được chứng nhận đáp ứng các tiêu chí về năng lực cạnh tranh quốc tế và được trao tặng giải thưởng Sao vàng Đất Việt cùng danh hiệu Top 100 Thương hiệu Việt Nam trong hội nhập quốc tế. Khai thác tối đa thị trường nước ngoài, đưa kim ngạch xuất khẩu khăn và sợi từ 32 triệu USD (năm 2012) lên 38,7 triệu USD (năm 2013).

NGÀY 30/05/2011

Công ty được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 1566/UBCK-QLPH. Việc trở thành công ty đại chúng thể hiện cam kết và tầm nhìn của Ban lãnh đạo Công ty về một doanh nghiệp hướng tới lợi ích tối đa cho cổ đông và khách hàng, đồng thời cũng là cam kết về nâng cao năng lực quản trị, minh bạch trong quản lý và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

NĂM 2014

Công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh sợi OE, CD và kinh doanh bông nguyên liệu, kinh doanh sợi qua việc gia công, sản xuất và xuất khẩu khăn bông; Đầu tư thành công dây chuyền sợi cộc với 12.000 cọc và lắp đặt lại máy móc thiết bị cho phù hợp với sản xuất; Khởi công đầu tư xây dựng tòa nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại 56 Trần Hưng Đạo, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, quy mô 18 tầng, 256 căn hộ; Xây dựng chủ trương dài hạn phát triển công ty tới năm 2018; Vận hành tài chính tiến tệ trong xuất nhập khẩu, đảm bảo có lãi.

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NGÀY 23/10/2015

Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 100,7 tỷ đồng lên 160,7 tỷ đồng với mục tiêu đầu tư vào Công ty Cổ phần Sợi Eiffel và nâng tổng công suất sản xuất sợi lên 16.560 tấn sợi/năm.

NGÀY 19/11/2015

Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Damsan, phù hợp với định hướng phát triển và chiến lược của Công ty giai đoạn 2015 – 2020.

NĂM 2015

bàn giao đưa vào sử dụng tòa nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại 56 Trần Hưng Đạo, Phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình. Bên cạnh đó, Công ty đã được Tỉnh Thái Bình chấp thuận đầu tư tòa nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại Tổ 39, 40 Phường Quang Trung, thành phố Thái Bình cao 15 tầng, quy mô 286 căn hộ.

NGÀY 15/12/2017

Chào bán thành công 8,6 triệu cổ phiếu với giá bán trung bình 17.000 đồng/cổ phiếu, thu về Công ty hơn 146 tỷ đồng. Bên cạnh đó, bàn giao đưa vào sử dụng tòa nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại Tổ 39, 40 Phường Quang Trung, thành phố Thái Bình cao 15 tầng, quy mô 286 căn hộ vào tháng 7/2017. Kim ngạch xuất nhập khẩu của công ty đạt 70,5 triệu USD, tăng 74% so với năm 2016 và vượt kế hoạch đặt ra 1%. Trong đó, giá trị xuất khẩu đạt hơn 42 triệu USD, tăng 78% so với năm 2016 và vượt 6% so với kế hoạch, cho thấy Công ty đã rất nỗ lực đẩy mạnh tìm kiếm bạn hàng xuất khẩu trong năm vừa qua.

THÁNG 08/2023

Công ty đã hoàn tất tăng vốn điều lệ lên 583.947.270.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022.

NGÀY 21/05/2024

Công ty hoàn tất việc tăng vốn điều lệ lên 763.947.270.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu để thực hiện chuyển đổi trái phiếu (Chuyển đổi đợt 2 của Trái phiếu Công ty Cổ phần Damsan).

NĂM 2018

Thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh, bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong xử lý tình huống, đa dạng thị trường tiêu thụ và phát triển khách hàng, Các dự án bất động sản triển khai thuận lợi. Dự án Khu đô thị Phú Xuân Damsan công tác giải phóng mặt bằng cơ bản xong tới 99%. Các lô đất hiện Công ty đã bán 95%, tiến bán đất cơ bản đã thu theo đúng tiến độ. Tòa nhà xã hội cho người thu nhập thấp 16 tầng tại Phường Quang Trung đã đi vào khai thác.

NGÀY 29/06/2016

Công ty thực hiện ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên trên HOSE với mã chứng khoán là ADS. Trong năm 2016, Công ty đầu tư thành công nhà máy sợi Eiffel gần 300 tỷ với quy mô 40.000 cọc sợi tại Xã Đông Mỹ, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình; hoàn thành 85% dự án tòa nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại Tổ 39, 40 Phường Quang Trung, thành phố Thái Bình cao 15 tầng, quy mô 286 căn hộ. Mặt khác, Công ty đã giải phóng mặt bằng thành công 10,5ha tại Khu đô thị Phú Xuân Damsan gồm 274 lô nhà liền kề và 74 lô biệt thự..

3. CÁC GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT CỦA DAMSAN



Công ty đạt được danh hiệu "Doanh nghiệp Việt Nam Vàng".



Giải thưởng Sao vàng Đất Việt & Top 100 Thương hiệu Việt Nam trong hội nhập quốc tế.



Tập thể CBCNV CTCP Damsan nhận được bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.



Top 500 Các doanh nghiệp tư nhân lợi nhuận lớn nhất Việt Nam & Top 50 Công ty Việt Nam thịnh vượng có tốc độ phát triển nhanh nhất.



Top 60 thương hiệu, sản phẩm uy tín của ngành xây dựng Việt Nam & Được tặng cờ thi đua của Chính phủ.



CTCP Damsan nhận được bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Thái Bình tuyên dương đơn vị có thành tích tiêu biểu trong công tác an sinh xã hội năm 2021, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.



CTCP Damsan nhận được bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tuyên dương tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong công tác phòng chống dịch Covid-19.



CTCP Damsan nhận được bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Thái Bình tuyên dương đơn vị có thành tích tiêu biểu trong công tác an sinh xã hội năm 2022, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.



CTCP Damsan nhận Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Thái Bình tuyên dương đơn vị có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2023.



CTCP Damsan nhận giấy khen doanh nghiệp tiêu biểu thành phố Thái Bình.

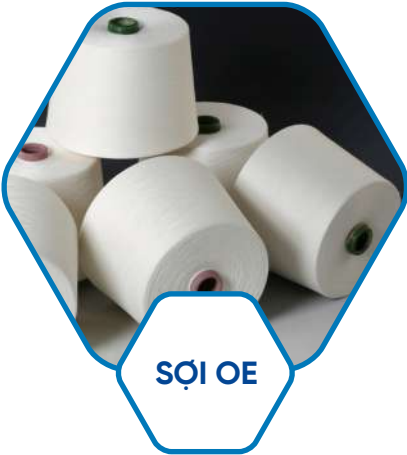
4. NGÀNH NGHỀ VÀ CÁC DỊCH VỤ KINH DOANH

A. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH
4212	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ)
4221	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Thi công xây dựng đường dây và trạm biến áp
4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
4229	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi; xây dựng các công trình văn hóa xã hội và các loại công trình công ích khác.
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp, thoát nước), công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
4641	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế công trình cấp - thoát nước; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông, công trình nông nghiệp & PTNT; thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật; thẩm tra: Thẩm tra thiết kế + dự toán công trình xây dựng DD&CN; thẩm tra thiết kế + dự toán công trình giao thông (cầu, đường bộ); giám sát thi công xây dựng công trình; giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp; giám sát công trình hạ tầng kỹ thuật; giám sát công trình giao thông (cầu, đường bộ); giám sát công trình NN&PTNT; giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình; khảo sát xây dựng; khảo sát địa hình; tư vấn quản lý dự án công trình giao thông (cầu, đường bộ), lập dự án đầu tư xây dựng; tư vấn quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, lập dự án đầu tư xây dựng; tư vấn quản lý dự án công trình hạ tầng kỹ thuật, lập dự án ĐTXD; tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, tư vấn lựa chọn nhà thầu.
4102	Xây dựng nhà không để ở
1392	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)
1393	Sản xuất thảm, chăn, đệm
4101	Xây dựng nhà để ở
1311 (Chính)	Sản xuất sợi
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Bán buôn sợi dệt, bông
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
1312	Sản xuất vải dệt thoi
1313	Hoàn thiện sản phẩm dệt
4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại màu (trừ bán buôn vàng)
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
4321	Lắp đặt hệ thống điện

B. CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ KINH DOANH CHÍNH

SẢN PHẨM SỢI KHĂN BÔNG



BẤT ĐỘNG SẢN



TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI



5. ĐỊA BÀN KINH DOANH



SẢN PHẨM SỢI

- Tiêu thụ tại thị trường nội địa Việt Nam và xuất khẩu sang Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc...
- Khăn bông: sản xuất phục vụ mục đích xuất khẩu sang thị trường Châu Á, Châu Âu và Châu Mỹ.



BẤT ĐỘNG SẢN

- Kinh doanh nhà ở xã hội: dành cho người thu nhập thấp tại Phường Quang Trung, Thành phố Thái Bình; Khu Đô thị Phú Xuân Damsan tại xã Phú Xuân, Tp. Thái Bình.
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp tại xã An Ninh, huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình.
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp Ninh An, Kiến Xương, Thái Bình

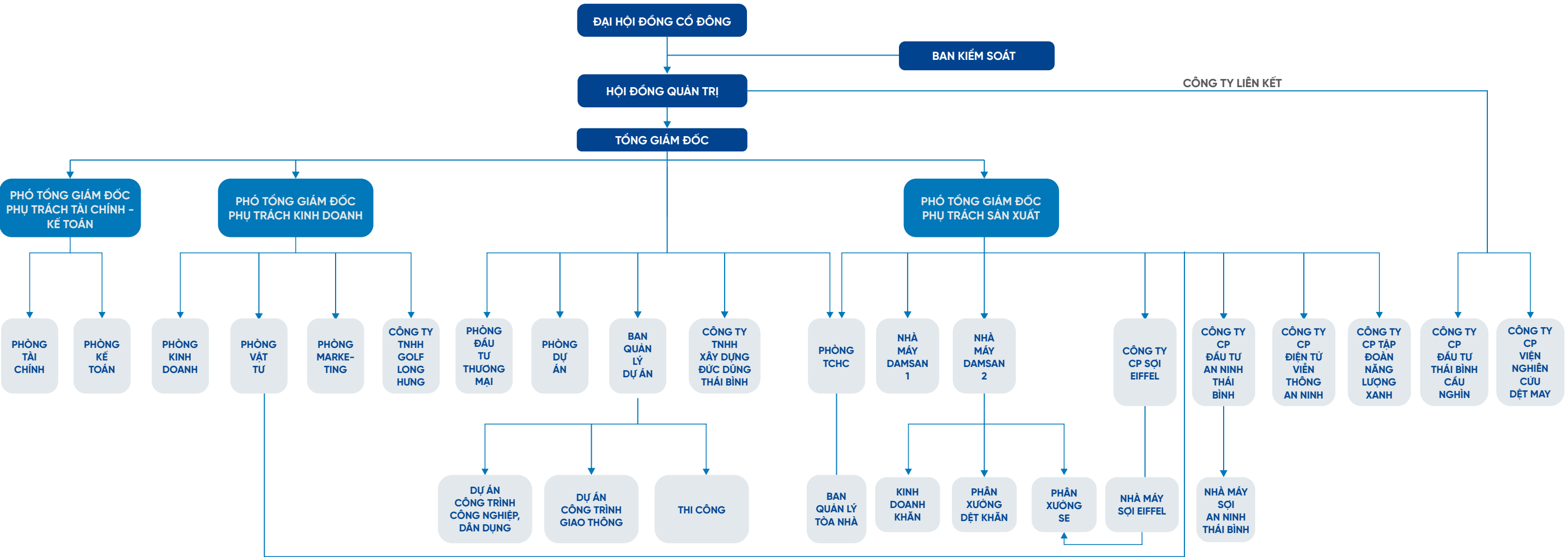


TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

- Cung cấp tấm pin năng lượng mặt trời cho các dự án nhà máy điện mặt trời, điện mặt trời áp mái, điện mặt trời hộ gia đình ... cho các tập đoàn, doanh nghiệp, hộ gia đình trong nước.

6. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

A. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ - SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Damsan (ĐHĐCĐ) gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định và phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tăng (giảm) vốn Điều lệ, phân chia lợi nhuận, cổ tức; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm HĐQT, Ban kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch HĐQT và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ 05 (năm) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

BAN KIỂM SOÁT

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ Công ty bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có quyền và nhiệm vụ thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất. Hỗ trợ cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc phụ trách lĩnh vực: Tài chính – kế toán, Kinh doanh, Sản xuất và Trưởng phòng nhân sự.

B. CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI EIFFEL			
Lô 159/14, KCN Gia Lễ, xã Đông Xuân, Huyện Đông Hưng, Thái Bình			
Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế
DỆT SỢI	300 TỶ ĐỒNG	85%	33,76 TỶ ĐỒNG

CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CP VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY			
478 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội			
Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế
NGHIÊN CỨU SẢN PHẨM DỆT MAY	50 TỶ ĐỒNG	30%	5,8 TỶ ĐỒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AN NINH THÁI BÌNH			
Km18+500, đường 39B, cụm công nghiệp An Ninh, Xã An Ninh, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình			
Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế
SẢN XUẤT SỢI	165 TỶ ĐỒNG	43,12%	-2,67 TỶ ĐỒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THÁI BÌNH CẦU NGHÌN			
Lô 36, đường Chu Văn An - Dự án Khu dân cư Đạm San - Quang Trung, Tp. Thái Bình, tỉnh Thái Bình			
Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế
XÂY DỰNG CẦU, ĐƯỜNG BỘ	338,9 TỶ ĐỒNG	45%	-0,26 TỶ ĐỒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NĂNG LƯỢNG XANH AD			
Lô CN2, Km18+500, đường 39B, cụm công nghiệp An Ninh, Xã An Ninh, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình			
Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế
SẢN XUẤT PIN VÀ ẮC QUY	173 TỶ ĐỒNG	47,27%	-11,71 TỶ ĐỒNG

7. VỊ THẾ

Công ty Cổ Phần Damsan, với khởi điểm từ ngành cốt lõi là dệt sợi, đã trải qua 18 năm phát triển mạnh mẽ và không ngừng mở rộng sang nhiều lĩnh vực khác. Qua từng giai đoạn phát triển, Damsan không chỉ khẳng định được vị thế trong ngành dệt may mà còn tiên phong trong nhiều lĩnh vực mới, đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

GIẢI ĐOẠN ĐẦU: NỀN TẢNG VỮNG CHẮC TỪ NGÀNH DỆT SỢI

Kể từ khi thành lập, 2006 là một năm đặc biệt với Việt Nam khi đất nước ta chính thức gia nhập về WTO và bước vào một thời kỳ kinh tế mới nhưng đó cũng là lúc người dân Việt Nam gặp khó khăn khi không đáp ứng được nhu cầu nước nhà và phải nhập sợi từ nước ngoài và với thiên thời đó ông Vũ Huy Đông cùng với các thành viên công ty xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ đã cùng nhau sáng lập nên Công ty cổ phần dệt sợi DAMSAN với nhà máy DAMSAN 1 đặt tại Thái Bình công ty tiếp tục mở rộng đầu tư nhà máy DAMSAN 2 và nhà máy An Ninh đến nay đã đạt công suất 20.000 tấn một năm đóng góp vào kim ngạch xuất khẩu của nước nhà lên tới 50 triệu đô la mỹ một năm. Để có được hiệu suất vượt bậc ấy nhờ vào việc DAMSAN đã áp dụng mô hình 5S vào quy trình quản lý sản xuất giúp tỉ lệ lãng phí được cắt giảm và hiệu suất làm việc cán bộ công nhân viên cũng được nâng cao tạo ra công ăn việc làm cho hơn 300 công nhân cùng sự phát triển mạnh mẽ và bền vững của ngành sợi dệt.



BƯỚC CHUYỂN MÌNH ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN NHÀ Ở XÃ HỘI

DAMSAN đã từng bước phát triển đa lĩnh vực để nâng tầm sức mạnh doanh nghiệp với sức mạnh đóng góp cho cộng đồng và xã hội. Năm 2014 DAMSAN đã trở thành đơn vị tiên phong ở tỉnh Thái Bình đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Trần Hưng Đạo, trong hai năm liên tiếp DAMSAN tiếp tục xây dựng thêm các dự án nhà ở xã hội Quang Trung khu dân cư tổ B 34 phường Quang Trung, khu đô thị Phú Xuân DAMSAN với tổng diện tích 105.000 m2, khu dân cư Phường Bồ Xuyên nâng cao chất lượng và môi trường sống của người.

Tiếp đà phát triển năm 2019 DAMSAN tiếp tục phát triển ngành bất động sản công nghiệp với dự án cụm công nghiệp An Ninh có tổng diện tích 75 ha đáp ứng các tiêu chuẩn xanh, hiện đại thông minh bảo vệ môi trường theo quy chuẩn quốc tế.



SẢN XUẤT PIN NĂNG LƯỢNG: HƯỚNG ĐI BỀN VỮNG

Vào năm 2023 hưởng ứng theo lời phát động của chính phủ Việt Nam về phát thành dòng DAMSAN đã tiến hành xây dựng nhà máy sản xuất tấm Pin năng lượng mặt trời AD Green với diện tích 79.000 m2.



QUYẾT ĐỊNH GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CỤM CÔNG NGHIỆP NINH AN – BƯỚC TIẾN CHIẾN LƯỢC CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Cụm công nghiệp (CCN) Ninh An, với diện tích quy hoạch lên tới 740.000 m2, là một trong những dự án kinh tế trọng điểm tại huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Được thành lập theo Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của UBND tỉnh Thái Bình, cụm công nghiệp này không chỉ mang lại cơ hội phát triển kinh tế mà còn là điểm tựa cho sự đổi mới, hiện đại hóa hạ tầng và thu hút các ngành công nghiệp đa dạng.

Quá trình xây dựng CCN Ninh An gắn liền với sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp chính quyền, doanh nghiệp, và người dân địa phương. Quyết định giải phóng mặt bằng được xem là bước đi chiến lược nhằm đẩy nhanh tiến độ thi công và tạo nền tảng phát triển cho khu vực.

Với việc hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, CCN Ninh An sẽ sớm trở thành một trong những cụm công nghiệp hiện đại và đa chức năng của tỉnh Thái Bình. Dự án này không chỉ mang lại cơ hội lớn mà còn tạo ra hàng nghìn việc làm, góp phần nâng cao đời sống kinh tế – xã hội của người dân.

Cụm công nghiệp Ninh An là minh chứng rõ ràng cho sự kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ quyền lợi cộng đồng. Đây không chỉ là một dự án, mà còn là biểu tượng cho khát vọng vươn lên của Thái Bình trong tương lai.



8. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

A. RỦI RO KINH TẾ

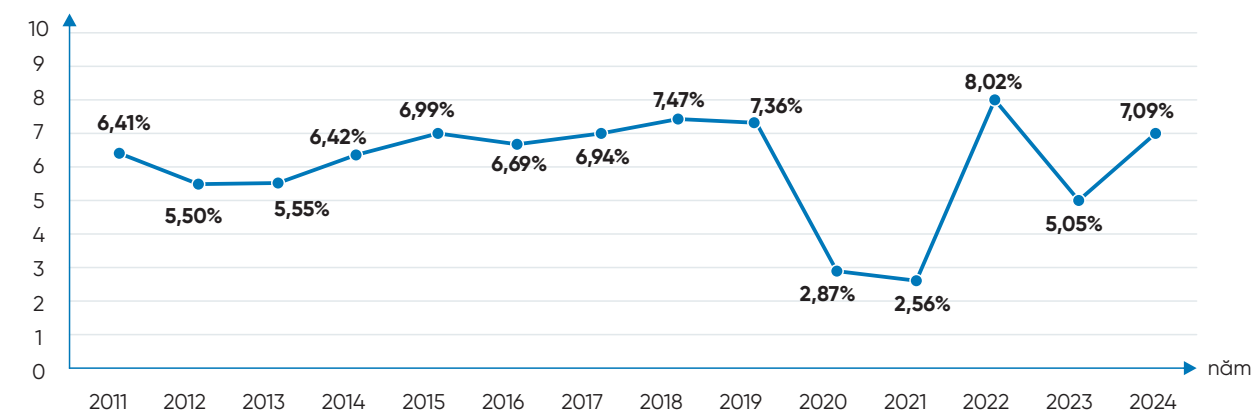
Với lĩnh vực kinh doanh chính hiện nay là sản xuất sợi, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc nhiều vào tốc độ tăng trưởng và những diễn biến của nền kinh tế nói chung.

Trong năm 2024, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục xu hướng phục hồi mạnh mẽ trong bối cảnh phải đối mặt với nhiều khó khăn, những bất ổn chính trị trên toàn thế giới và các cuộc khủng hoảng liên quan đến ngành bất động sản, ngân hàng.... Quy mô GDP năm 2024 ước đạt 476,3 tỷ USD, tăng trưởng 7,09% so với năm ngoái, tương đương GDP bình quân đầu người đạt 4.700 USD/người, vượt mục tiêu tăng trưởng 6,5% nhờ động lực chính từ dịch vụ và sản xuất công nghiệp. Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp phục hồi tích cực và tăng trưởng mạnh mẽ so với năm 2023. Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp năm 2024 tăng 8,32% so với năm

trước, chỉ thấp hơn mức tăng 8,52% của năm 2022 trong giai đoạn 2019-2024, đóng góp 2,7 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế.

Dự báo cùng với đà phục hồi tăng trưởng toàn cầu và tiếp nối đà tăng trưởng cao của năm 2024, Việt Nam sẽ đạt mục tiêu tăng trưởng bứt phá trong năm 2025. Tuy nhiên, rủi ro và thách thức vẫn còn hiện hữu, Việt Nam tiếp tục phải đối diện với áp lực từ lạm phát, những khủng hoảng địa chính trị gia tăng, khó đoán định; cạnh tranh chiến lược về thương mại và công nghệ ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế nói chung. Vì vậy, Công ty luôn có bộ phận chuyên môn nghiên cứu cũng như bám sát môi trường kinh tế vĩ mô để đưa ra tư vấn cho ban điều hành xu hướng trong tương lai và những tác động kinh doanh trọng yếu, từ đó đưa ra quyết sách và chiến lược phù hợp.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP NĂM 2011 - 2024



Nguồn: Tổng cục Thống kê



B. RỦI RO LẠM PHÁT

Bên cạnh tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát cũng là một yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào cũng như chi phí chung của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023, như vậy lạm phát đã được kiểm soát vượt mục tiêu Quốc hội giao từ đầu năm. Đây là mức lạm phát phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội ở trong nước, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, là điểm sáng trong kết quả phát triển kinh tế của Việt Nam năm 2024.

Tuy nhiên, các yếu tố vẫn có thể tạo áp lực lạm phát trong năm 2025. Hiện nay xung đột quân sự ở một số quốc gia leo thang căng thẳng, diễn biến khó lường, có nguy cơ lan rộng. Cạnh tranh thương mại giữa các nước lớn ngày càng gay gắt. Cùng với đó, hiện tượng thời tiết cực đoan tác động nghiêm trọng tới kinh tế - xã hội toàn cầu. Điều này có thể tạo nên sự đứt gãy chuỗi cung ứng, làm gia tăng chi phí vận tải, tác động đến biến động giá hàng hóa. Đặc biệt, các chính sách thuế trong nhiệm kỳ của Tổng thống đắc cử Donald Trump có khả năng rất khắc nghiệt, dẫn đến các phản ứng trả đũa từ các quốc gia. Bảo hộ thương mại và rào cản thương mại gia tăng sẽ làm trầm trọng thêm căng thẳng thương mại và phá vỡ chuỗi cung ứng toàn cầu, điều này có thể gây ra một đợt lạm phát mới. Ở trong nước, chi phí nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất có thể tăng lên theo giá thế giới và chịu tác động từ biến động tỷ giá, ảnh hưởng đến chi phí, giá thành sản phẩm, tạo áp lực cho sản xuất của doanh nghiệp và từ đó đẩy giá hàng

hóa tiêu dùng trong nước tăng lên và tạo áp lực lên lạm phát. Bên cạnh đó các gói kích cầu, hạ mặt bằng lãi suất cho vay, mở rộng tín dụng, đẩy mạnh đầu tư công giúp tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nhưng cũng có thể tạo sức ép lên mặt bằng giá nếu nguồn cung tiền không được kiểm soát hợp lý.



C. RỦI RO LÃI SUẤT

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí đi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của ngành đó.

Dấu ấn điều hành lãi suất của NHNN là điểm sáng được các tổ chức quốc tế đánh giá cao về năng lực điều hành Chính sách tiền tệ của Việt Nam. Trong năm 2024, NHNN tiếp tục duy trì lãi suất điều hành ở mức thấp để định hướng thị trường giảm lãi suất cho vay hỗ trợ doanh nghiệp. Một bằng lãi suất cho vay đối với các giao dịch phát sinh mới của các ngân hàng thương mại đã giảm 0,44% so với năm 2023. Tuy nhiên khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế. Bởi vì NHTM cho vay sẽ dựa trên việc chấm điểm tín dụng, theo đó nếu doanh nghiệp có rủi ro cao, lãi suất cho vay sẽ không giảm. Nhìn vào bức tranh kinh tế và doanh nghiệp hiện nay, tình hình sức khỏe của các doanh nghiệp vẫn chưa ổn định, vẫn nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, việc lãi suất giảm sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp tăng lượng vốn vay, tức là khả năng tiếp cận vốn tín dụng dễ dàng và chi phí thấp hơn, nhưng điều này phụ thuộc ít nhiều vào việc doanh nghiệp có làm ăn hiệu quả, có đầu ra cho sản xuất và có nhu cầu mở rộng quy mô đầu tư sản xuất hay không, từ đó mới có nhu cầu vốn về tín dụng hay không. Bởi khi doanh nghiệp có nhu cầu về vốn tín dụng sẽ đòi hỏi dòng tiền trong nền kinh tế phải quay vòng liên tục. Khi đó, vốn tín dụng NH bơm ra thị trường mới đem lại hiệu quả và có ý nghĩa. Những điều này cũng là rủi ro ảnh hưởng đến Công ty Cổ phần Damsan khi tiếp cận nguồn vốn vay.

D. RỦI RO PHÁP LUẬT

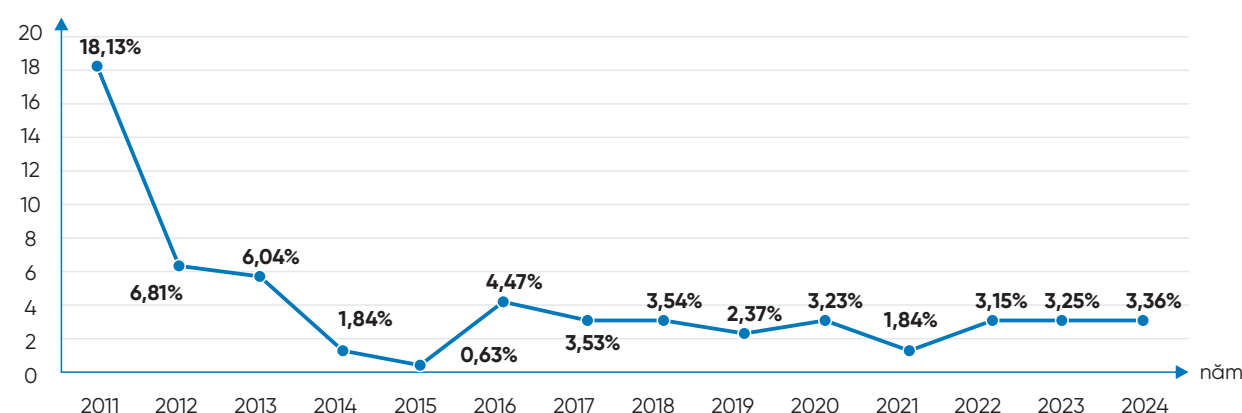
Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thương mại và các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan. Đồng thời Công ty cũng tuân theo các quy định pháp lý tại các quốc gia mà công ty có phát sinh hoạt động thương mại, mua bán hàng hóa ... đặc biệt liên quan đến các vấn đề như quy chuẩn chất lượng sản phẩm, quy trình xuất nhập khẩu

Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty có bộ phận pháp lý thường xuyên theo dõi, dự báo, cập nhật các thay đổi của pháp luật và ảnh hưởng đối với các dự án kinh doanh của Công ty. Liên tục đào tạo, bồi dưỡng nhân sự nắm vững chuyên môn pháp lý, bên cạnh đó Công ty đã sử dụng các dịch vụ tư vấn pháp luật nhằm đảm bảo chuẩn bị các thủ tục pháp lý dự án đầu tư cũng như quản trị doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Theo nhận định của ban lãnh đạo, rủi ro về môi trường liên quan đến các ngành nghề kinh doanh của Công ty là không cao, tuy nhiên trong hoạt động sản xuất có thể xảy ra một số phát sinh ô nhiễm không khí, tiếng ồn, nguồn nước cho môi trường xung quanh, hơn nữa các rủi ro về môi trường đều có ảnh hưởng về mặt pháp lý, nên Công ty luôn chú trọng việc tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến yếu tố môi trường, mỗi dự án đều có các chuyên gia uy tín thẩm định, đánh giá tác động môi trường trước khi thực hiện.

CPI BÌNH QUÂN VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011-2024



RỦI RO VỀ ĐẶC THÙ NGÀNH

Rủi ro từ nguyên vật liệu

Nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi phí sản xuất sợi và đặc biệt là bông/polyester chiếm tỷ trọng lớn nhất trong biến động giá nguyên liệu đầu vào của Công ty. Trước tình hình đại dịch toàn cầu, cũng như bất ổn kinh tế, ngành dệt may Việt Nam phải đối mặt với rủi ro vô cùng lớn về tồn kho ở cả nguyên vật liệu và thành phẩm do đây không phải mặt hàng thiết yếu. Hiện tại, Damsan chủ yếu nhập nguyên liệu từ Ấn Độ, nơi có giá thành bông thấp nhất thế giới. Việc Damsan nhập khẩu bông khối lượng lớn từ các doanh nghiệp Ấn Độ sẽ có rủi ro nhất định trong trường hợp các nhà cung cấp Ấn Độ không đáp ứng được yêu cầu giao hàng từ Damsan.



RỦI RO KHÁC

Ngoài những rủi ro kể trên, còn có những rủi ro khác như: chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,...là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng khi xảy ra có thể gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu những rủi ro này, Damsan thường xuyên nắm bắt kịp thời các thông tin trên các phương tiện truyền thông, xã hội, cũng như thường xuyên kiểm tra hệ thống phòng chống cháy nổ tại Công ty để giảm thiểu và phòng ngừa những tổn thất lớn có thể xảy ra.

Rủi ro từ cạnh tranh

Trong những năm gần đây, Việt Nam là một trong rất ít quốc gia tại châu Á đã mở rộng hoạt động sản xuất của ngành kéo sợi. Không chỉ có các nhà đầu tư nước ngoài như Texthong Group (Hong Kong), Kyung Bang Việt Nam (Hàn Quốc), Itochu (Nhật Bản) mà cả các doanh nghiệp trong nước như Vinatex, Đại Cường, Phú Bài, Thiên Nam cũng đã tăng vốn đầu tư vào ngành công nghiệp này. Hầu hết các doanh nghiệp xuất khẩu phần lớn lượng sợi sản xuất ra, tình hình cạnh tranh về chất lượng sản phẩm, giá bán diễn ra gay gắt. Không chỉ thế, các hiệp định thương mại tự do sẽ không chỉ tạo ra cơ hội mà cũng thêm nhiều thách thức đối với các doanh nghiệp dệt may vì họ phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp mới thành lập hoặc mở rộng nhà máy tại Việt Nam để được hưởng lợi ích từ các hiệp định này.

Đối với hoạt động bất động sản, Công ty cũng đối mặt với những rủi ro cạnh tranh nhất định. Cùng với chính sách khuyến khích của Nhà Nước đối với các Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, đầu tư kinh doanh bất động sản, số lượng các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này ngày càng nhiều; thêm vào đó là sự gia tăng áp lực cạnh tranh ngày càng lớn từ các tổ chức nước ngoài có tiềm lực về tài chính mạnh, về quản lý, công nghệ và nhân lực. Hơn nữa, Công ty mới chuyển mình sang hoạt động tại lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản. Bởi vậy, việc phải cạnh tranh trực tiếp với các doanh nghiệp trong ngành là điều tất yếu.

QUẢN TRỊ RỦI RO

- ✓ Chính sách quản lý rủi ro được xây dựng trong đó xác định phương pháp tiếp cận đối với rủi ro và quản lý rủi ro. Đồng thời chính sách quản lý rủi ro cũng nêu rõ trách nhiệm trong việc quản lý rủi ro trong toàn bộ doanh nghiệp.
- ✓ Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm xây dựng định hướng chiến lược và cơ cấu cho chức năng quản lý rủi ro nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả nhất cho Công ty.
- ✓ Các bộ phận chức năng trong doanh nghiệp có trách nhiệm trước hết trong việc quản lý rủi ro hàng ngày, gắn kết việc nhận thức và tuyên truyền về quản lý rủi ro trong bộ phận mình công tác. Công ty chú trọng công tác kiểm toán/kiểm soát nội bộ để đảm bảo rằng công tác quản lý rủi ro được thực thi có hiệu quả thông qua việc đánh giá theo chương trình, kế hoạch đã được đề ra.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Thông tin ngành
2. Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch
3. Kết quả kinh doanh qua các năm
4. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận
5. Ban Tổng Giám đốc
6. Nhân sự và chính sách nhân sự

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Các khoản đầu tư lớn trong năm
2. Tiến độ thực hiện các Dự án của Công ty
3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

III. CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần
2. Cơ cấu cổ đông
3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. THÔNG TIN NGÀNH

Ngành Dệt May Việt Nam nhìn chung vẫn tiếp tục xu hướng phục hồi, và giữ được mức tăng trưởng khá trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, xung đột leo thang ở nhiều khu vực, giá xăng dầu, cước vận tải biến động mạnh, kinh tế thương mại phục hồi chậm, đặc biệt tổng cầu sụt giảm, thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng diễn ra phức tạp. Theo báo cáo từ Hiệp hội Dệt May Việt Nam (VITAS), kim ngạch xuất khẩu dệt may năm 2024 ước đạt 44 tỷ USD, bằng mức dự kiến, tăng 11,26% so với năm 2023; kim ngạch nhập khẩu ước đạt 25 tỷ USD, tăng 14,79%; xuất siêu 19 tỷ USD, tăng 6,93% so với năm 2023. Đứng đầu thị trường xuất khẩu dệt may trong năm 2024 vẫn là Mỹ với kim ngạch ước đạt 16,71 tỷ USD, tăng 12,33% so với năm 2023 và chiếm tỷ trọng 37,98% tổng kim ngạch xuất khẩu; Nhật Bản ước tính đạt 4,57 tỷ USD, tăng 6,18%, chiếm tỷ trọng 10,39%; EU ước đạt 4,3 tỷ USD tăng 7,66%, chiếm tỷ trọng 9,77%; Hàn Quốc ước đạt 3,93 tỷ USD, tăng 10,36%, chiếm tỷ trọng 8,93%; Trung Quốc ước đạt 3,65 tỷ USD, tăng 1,76%, chiếm tỷ trọng 8,3%; ASEAN ước đạt 2,9 tỷ USD, tăng 4,84%, chiếm tỷ trọng 6,59%.

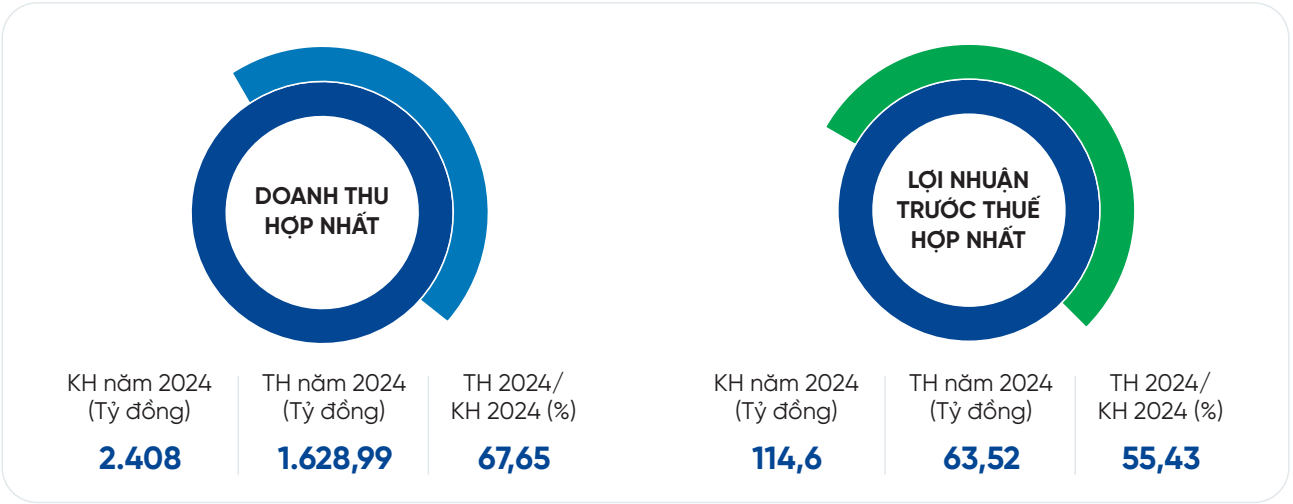
Nguồn: <https://vneconomy.vn/det-may-tang-truong-kha-lay-da-vuot-thach-thuc.htm>

Trong năm 2024, ngành dệt may Việt Nam còn có nhiều lợi thế, khi 17/19 Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới đã có hiệu lực. Đây là thị trường mang tính toàn cầu mang lại lợi thế rất lớn cho dệt may Việt Nam. Cộng đồng doanh nghiệp ngành dệt may Việt Nam đã tiếp thu rất nhanh chiến lược đa dạng hóa thị trường; đa dạng hóa đối tác khách hàng và đa dạng hóa sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Ngành cũng tiếp thu tốt công nghệ tự động hóa, quản trị số cũng như thích ứng tốt trước những đòi hỏi về tiêu chuẩn xanh bền vững từ nhiều thị trường xuất khẩu. Đây là tiền đề, là cơ sở cho tăng trưởng ngành dệt may trong năm 2024.



2. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2024



NGUYÊN NHÂN

Mặc dù nền kinh tế Việt Nam và ngành dệt may đang có sự phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2024, Công ty cổ phần Damsan lại không đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đề ra. Có thể giải thích tình trạng này dựa trên một số nguyên nhân sau:

Sự cạnh tranh gay gắt trong ngành dệt may

- Mặc dù ngành dệt may Việt Nam tăng trưởng 11% và đạt kim ngạch 44 tỷ USD, nhưng điều này không đồng nghĩa với việc tất cả các doanh nghiệp trong ngành đều hưởng lợi.
- Việt Nam đứng thứ 2 thế giới về xuất khẩu dệt may, cho thấy sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp nội địa. Những doanh nghiệp lớn có lợi thế về quy mô, công nghệ và thị trường có thể giành được nhiều đơn hàng hơn so với các doanh nghiệp nhỏ và vừa như Damsan.
- Bangladesh, dù bị Việt Nam vượt qua, vẫn là đối thủ mạnh với giá lao động rẻ và lợi thế từ các hiệp định thương mại.

Biến động trong chuỗi cung ứng và đơn hàng

- Các đơn hàng dệt may có thể tập trung vào các doanh nghiệp lớn hoặc có hệ thống phân phối mạnh, khiến Damsan khó mở rộng thị phần.
- Biến động chi phí nguyên liệu đầu vào như bông, sợi, vải có thể ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của công ty, đặc biệt nếu không có hợp đồng dài hạn ổn định.

Khó khăn tài chính và tác động từ bất động sản, ngân hàng

- Nền kinh tế Việt Nam phục hồi nhưng vẫn chịu ảnh hưởng từ các bất ổn chính trị toàn cầu và khủng hoảng trong ngành bất động sản, ngân hàng. Điều này có thể làm hạn chế khả năng tiếp cận vốn của Damsan để mở rộng sản xuất hoặc đầu tư nâng cấp công nghệ.
- Nếu Damsan có liên quan đến các khoản vay từ ngân hàng hoặc đầu tư vào bất động sản, có thể bị ảnh hưởng bởi các biến động này.

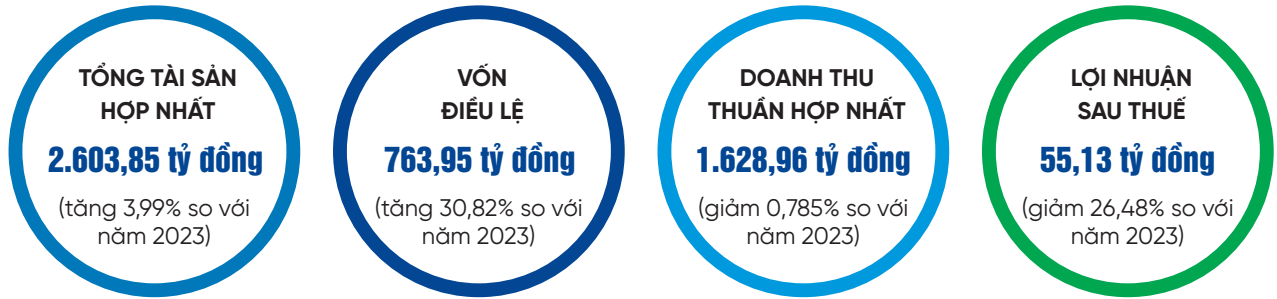
Hiệu suất nội bộ và chiến lược kinh doanh

- Việc không đạt kế hoạch có thể do Damsan chưa tận dụng tốt xu hướng tăng trưởng của ngành dệt may. Các vấn đề nội bộ như quản lý đơn hàng, chi phí sản xuất, chiến lược kinh doanh hoặc khả năng mở rộng thị trường có thể là nguyên nhân khiến công ty chưa đạt mục tiêu.
- Nếu công ty phụ thuộc nhiều vào một số khách hàng lớn hoặc thị trường xuất khẩu cụ thể, sự suy giảm đơn hàng từ một vài đối tác có thể ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh.

3. KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

BẢNG CHỈ TIÊU KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIAI ĐOẠN 2020 – 2024

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2020	2021	2022	2023	2024	TĂNG TB 2020–2024 (%)
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.837,89	1.985,17	2.181,69	2.503,79	2.603,85	9,10
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	280,69	380,69	437,79	583,95	763,947	28,44
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.339,01	1.513,15	1.692,56	1.641,85	1.628,96	5,02
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	1.275,63	1.335,82	1.555,06	1.455,83	1.495,36	4,05
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	28,1	113,61	86,23	86,46	63,52	22,62
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	24,44	100,47	74,94	74,99	55,13	22,55



4. CƠ CẤU DOANH THU, LỢI NHUẬN HỢP NHẤT

STT	CHỈ TIÊU	2023		2024		2024/2023	
		DTT (Tỷ đồng)	LNG (Tỷ đồng)	DTT (Tỷ đồng)	LNG (Tỷ đồng)	DTT (%)	LNG (%)
1	Kinh doanh Bông	225,30	211,08	193,1	17,31	(14,29)	(91,80)
2	Kinh doanh sợi	709,11	-24,65	838,33	(36,04)	18,22	(46,21)
3	Kinh doanh khăn	347,60	29,17	330,26	26,55	(4,99)	(8,98)
4	Kinh doanh Bất động sản	178,22	112,88	185,25	122,41	3,94	8,44
5	Khác	181,62	54,41	82,05	3,37	(54,82)	(93,81)
Tổng cộng		1.641,85	186,02	1.628,99	133,60	(0,78)	(28,18)

Tổng doanh thu năm 2024 của Công ty giảm nhẹ 0,78% so với năm 2023, mặc dù vậy lợi nhuận gộp lại giảm mạnh 28,16%, cho thấy biên lợi nhuận của Công ty đang thu hẹp so với năm trước. Mảng kinh doanh sợi tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong doanh thu, nhưng lợi nhuận gộp từ mảng này giảm 46,21% so với năm 2023, điều này phản ánh khó khăn của Công ty trong việc kiểm soát chi phí từ hoạt động sản xuất sợi. Trong khi đó, lợi nhuận gộp từ

mảng kinh doanh bông giảm mạnh 91,8% so với năm 2023, khiến đóng góp của mảng này vào tổng lợi nhuận gộp công ty gần như không đáng kể. Mảng kinh doanh khăn dù chỉ giảm nhẹ về doanh thu nhưng cũng bị ảnh hưởng về lợi nhuận. Mảng kinh doanh bất động sản vẫn có mức tăng trưởng nhẹ, với doanh thu tăng 3,94% và lợi nhuận gộp tăng 8,44% so với năm 2023.



5. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NẤM GIỮ	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	Ông Vũ Huy Đức	Tổng giám đốc	1.539.489	2,01%
2	Bà Vũ Phương Diệp	Phó Tổng giám đốc	121.670	0,16%
3	Ông Vương Quốc Dương	Phó Tổng giám đốc	1.145.834	1,5%
4	Ông Lê Xuân Chiến	Phó Tổng giám đốc	341.791	0,45%
5	Bà Phạm Thị Dung	Kế toán trưởng	29.645	0,04%

Ông VŨ HUY ĐỨC
Tổng giám đốc

Ngày sinh:

17/10/1979

CMND/CCCD số:

034079008512 – do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/12/2019

Địa chỉ:

Số 08, Tổ 3, Phường Trần Hưng Đạo, TP. Thái Bình

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Không có.

Bà VŨ PHƯƠNG DIỆP
Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh:

02/09/1986

CMND/CCCD số:

034186013540 – do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07/08/2022

Địa chỉ:

Số 2/12 Phạm Thế Hiển, KĐT II, Trần Hưng Đạo, Thái Bình

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân tài chính

Ông VƯƠNG QUỐC DƯƠNG
Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh:

17/05/1985

CMND/CCCD số:

051085000377 – do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/03/2023

Địa chỉ:

Số 2/12 Phạm Thế Hiển, KĐT II, Trần Hưng Đạo, Thái Bình

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Ông LÊ XUÂN CHIẾN
Tổng giám đốc

Ngày sinh:

09/10/1983

CMND/CCCD số:

034083024955– do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/10/2023

Địa chỉ:

Tổ 03, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế

Bà PHẠM THỊ DUNG
Kế toán trưởng

Ngày sinh:

16/10/1981

CMND/CCCD số:

034181002802 – do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 09/12/2015

Địa chỉ:

Thôn Phạm, xã Phú Châu, huyện Đông Hưng, Thái Bình

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế

6. NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

A. CƠ CẤU NHÂN SỰ

STT	TIÊU CHÍ	ĐVT	NĂM 2024	CƠ CẤU
I	Theo trình độ lao động			
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	Người	89	14%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	Người	65	11%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	Người	10	2%
4	Lao động phổ thông	Người	435	73%
II	Theo đối tượng lao động			
1	Lao động trực tiếp	Người	432	72%
2	Lao động gián tiếp	Người	167	28%
III	Theo giới tính			
1	Nam	Người	288	48%
2	Nữ	Người	311	52%
TỔNG CỘNG		Người	599	100

B. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Về tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Cơ chế tuyển dụng của Công ty luôn đảm bảo cơ hội bình đẳng, khách quan, minh bạch cho tất cả các ứng viên.

Về đào tạo:

Bên cạnh các quy định, quy trình tuyển dụng, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực thông qua chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Hằng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo cho cán bộ công nhân viên thông qua các hình thức đào tạo nội bộ và sử dụng các chương trình đào tạo từ bên ngoài ở trong và ngoài nước.

Chế độ làm việc:

Công ty thực hiện làm việc theo chính sách ca kíp. Công ty chia làm 03 ca/ngày. Công nhân làm việc theo ca với 8 giờ/ngày và 5,5 ngày/tuần. Ngoài ra, khi cần yêu cầu nhân viên làm thêm giờ, Công ty thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Nhân viên được nghỉ phép nghỉ lễ, Tết, ốm đau, thai sản thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động.



Chính sách lương thưởng, phúc lợi:

Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng, trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên nhằm đánh giá đúng năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân trong công ty, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả công việc. Ngoài các chính sách lương thưởng, phúc lợi theo quy định của pháp luật, cán bộ công nhân viên Công ty còn được hưởng một số quyền lợi ưu đãi khác như ưu tiên mua cổ phiếu, trái phiếu của Công ty. Mức độ ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của từng cá nhân cho Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quy định.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp,... theo quy định hiện hành của pháp luật lao động và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN TRONG NĂM

Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện ghi nhận khoản tăng nguyên giá bất động sản đầu tư cho thuê với giá trị là 42 tỷ đồng. Cụ thể đó là phần được ghi nhận tăng tương ứng với phần diện tích cơ sở hạ tầng khu công nghiệp thuộc dự án Cụm Công nghiệp An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình đã đủ điều kiện ghi nhận doanh thu cho thuê trong năm.



2. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN CỦA CÔNG TY

Dự án Cụm công nghiệp An Ninh: Hạ tầng kỹ thuật đạt 100%. Công ty đã ký kết với các nhà đầu tư xây dựng Nhà máy tại Cụm Công nghiệp An Ninh.

- Nhà máy sợi An Ninh: Hoạt động sản xuất ổn định.
- Nhà xưởng AD Green: Di chuyển máy móc thiết bị về mặt bằng tại Nhà máy Damsan 2, KCN Gia Lễ, Đông Mỹ, TP Thái Bình. Nhà xưởng AD Green tại CCN An Ninh thay đổi mục đích đầu tư cho thuê nhà xưởng, đã ký hợp đồng với khách hàng Trung Quốc từ cuối tháng 11/2024.
- Nhà xưởng cho thuê số 1: Đã hoàn thành và bàn giao cho đơn vị cho thuê là Công ty CP DK PAK
- Nhà xưởng cho thuê số 2 và số 3: Đã hoàn thành và bàn giao cho đơn vị thuê là Công ty TNHH Chitac Việt Nam, doanh thu bắt đầu phát sinh từ tháng 01 năm 2025.
- Nhà xưởng cho thuê số 4: Đã hoàn thành và bàn giao cho đơn vị cho thuê là Công ty TNHH HongXi Technology Việt Nam
- Nhà xưởng cho thuê số 5 và nhà văn phòng đã thi công xây dựng và dự kiến bàn giao cho công ty TNHH Chitac Việt Nam vào đầu quý II năm 2025.

Dự án Cụm công nghiệp Ninh An: Đã thực hiện giải phóng mặt bằng giai đoạn 1.

Dự án Khu dân cư Phường Bó Xuyên: Hạ tầng kỹ thuật xong 100%. Đang thực hiện việc xây thô, hoàn thiện 31/41 lô.

Dự án Khu dân cư tổ 39, 40 Phường Quang Trung: Đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 1. Xây dựng 15/18 lô, đạt 83%.

Dự án Phú Xuân: Đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật. Xây dựng 280/302 lô, đạt trên 90%.

Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi Cầu Nghìn: Sản lượng thực hiện tính đến 31/12/2024 đạt 80 tỷ, Công ty CP Damsan dừng thực hiện Dự án do UBND Tỉnh Thái Bình đã ký quyết định chấm dứt thực hiện Dự án và chuyển từ đầu tư BOT sang đầu tư công và giao Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh nghiệm thu khối lượng, giá trị các hạng mục đã thực hiện và tiếp nhận quản lý; đồng thời, quyết toán toàn bộ chi phí và nghĩa vụ còn lại theo Hợp đồng Dự án và Thỏa thuận điều kiện chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Nhà đầu tư và Doanh nghiệp dự án.



3. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2023	NĂM 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,32	1,23
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,97	0,90
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/tổng tài sản	%	63,33	63,23
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	172,67	171,99
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	3,01	2,84
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	0,70	0,64
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	4,57	3,38
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	9,52	5,88
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	3,20	2,16
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	5,39	3,46

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Trong năm 2024, các chỉ số về thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Công ty không có nhiều thay đổi. Chỉ số thanh toán ngắn hạn năm 2023 là 1,32 và của 2024 là 1,23. Chỉ số thanh toán ngắn hạn luôn duy trì trên 1 cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty là tốt.

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Vòng quay hàng tồn kho năm 2024 là 2,84 vòng, giảm đáng kể so với năm 2023 là 3,01 vòng. Chỉ tiêu doanh thu thuần/ Tổng tài sản đạt mức 0,64 lần.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Trong năm 2024, các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty như sau: ROS năm 2024 đạt 3,38%, chỉ số ROE 2024 đạt 5,88%, chỉ số ROA đạt 2,16%.



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2024 không có nhiều thay đổi so với năm 2023. Công ty sử dụng nợ là nguồn vốn chủ yếu cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đặc biệt là nợ ngắn hạn. Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu trong năm 2024 là 171,99%, giảm nhẹ so với mức 172,67% trong năm 2023 đã cho thấy cơ cấu vốn của Công ty vẫn duy trì được tính ổn định của năm 2023.

III. CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

1. CỔ PHẦN

Mã cổ phiếu:
ADS

Vốn điều lệ:
763.947.270.000 đồng

Số cổ phần phổ thông:
cổ phần

Số cổ phần ưu đãi:
0 cổ phần

Số cổ phần đang lưu hành:
76.394.727 cổ phần

Số cổ phiếu quỹ:
0 cổ phiếu

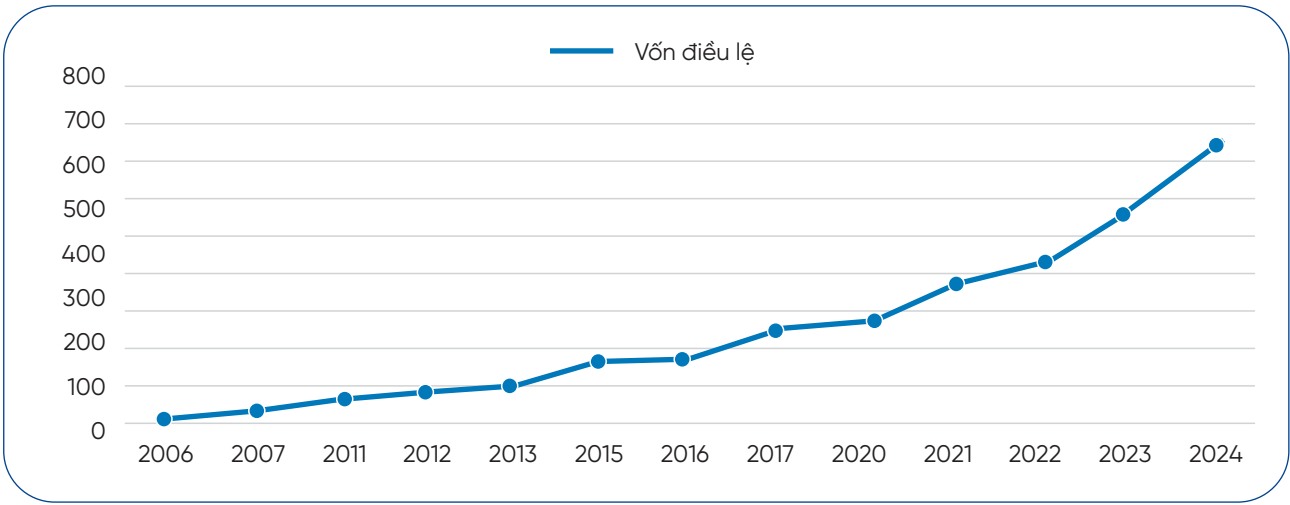
Mệnh giá:
10.000 đồng/cổ phần

2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

BẢNG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 31/12/2024					
STT	TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (MỆNH GIÁ)	TỶ LỆ (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG
1	Cổ đông lớn	17.233.958	172.339.580.000	22,56	3
2	Cổ đông nhỏ	59.160.769	561.607.690.000	77,44	5.107
3	Cổ phiếu quỹ				
	Tổng	76.394.727	763.947.270.000	100	5.110
1	Cổ đông trong nước	76.285.562	762.852.620.000	99,85	5.077
1.1	Cổ đông tổ chức	2.940.796	29.407.960	3,85	26
1.2	Cổ đông cá nhân	73.344.766	733.447.660	96	5.051
2	Cổ đông nước ngoài	109.165	1.091.650.000	0,15	33
3	Cổ phiếu quỹ				
	Tổng	76.394.727	763.947.270.000	100	5.110
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN (31/12/2023)					
TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	SỐ CMND/ HỘ CHIẾU/ĐKKD	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ/V%L	
Vũ Huy Đông	034055003633	Tổ 4, phường Trần Hưng Đạo, Thái Bình, Thái Bình	9.206.284	12,05%	
Đỗ Đức Khang	033079001978	Tây Hồ, Hà Nội	4.058.174	5,31%	
Đỗ Văn Khôi	033056011019	51F Làng Yên Phụ, P. Yên Phụ Q. Tây Hồ, Hà Nội	3.969.500	5,20%	
TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA TẠI CÔNG TY LÀ 50%.					

3. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Kể từ ngày thành lập, Công ty đã trải qua những lần tăng vốn như được trình bày dưới đây:		
NĂM	VỐN ĐIỀU LỆ (VNĐ)	NỘI DUNG TĂNG VỐN
2006	12.000.000.000	Vốn điều lệ đăng ký thành lập
2007	32.329.000.000	Cổ đông hiện hữu
2010	60.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
2012	80.700.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
2013	100.700.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
2015	160.700.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
2016	168.734.810.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2015
2017	255.178.010.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu, phát hành riêng lẻ
2020	280.694.500.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2019
2021	380.694.500.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng
2022	437.790.340.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2021
05/2023	507.790.340.000	Chuyển đổi trái phiếu riêng lẻ thành cổ phiếu
08/2023	583.947.270.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2022
15/01/2024	733.947.270.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
21/05/2024	763.947.270.000	Phát hành cổ phiếu được chuyển đổi từ trái phiếu



4. CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. NHỮNG THÁCH THỨC VÀ THUẬN LỢI TRONG NĂM 2023

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2023

III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023

1. Điều hành và quản trị Công ty trong năm 2023
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty mẹ năm 2023

V. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ MỚI

1. Kế hoạch sản xuất
2. Đầu tư bất động sản
3. Phát triển năng lượng tái tạo
4. Giải pháp và biện pháp để thực hiện được các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024
5. Báo cáo đánh giá liên quan trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty



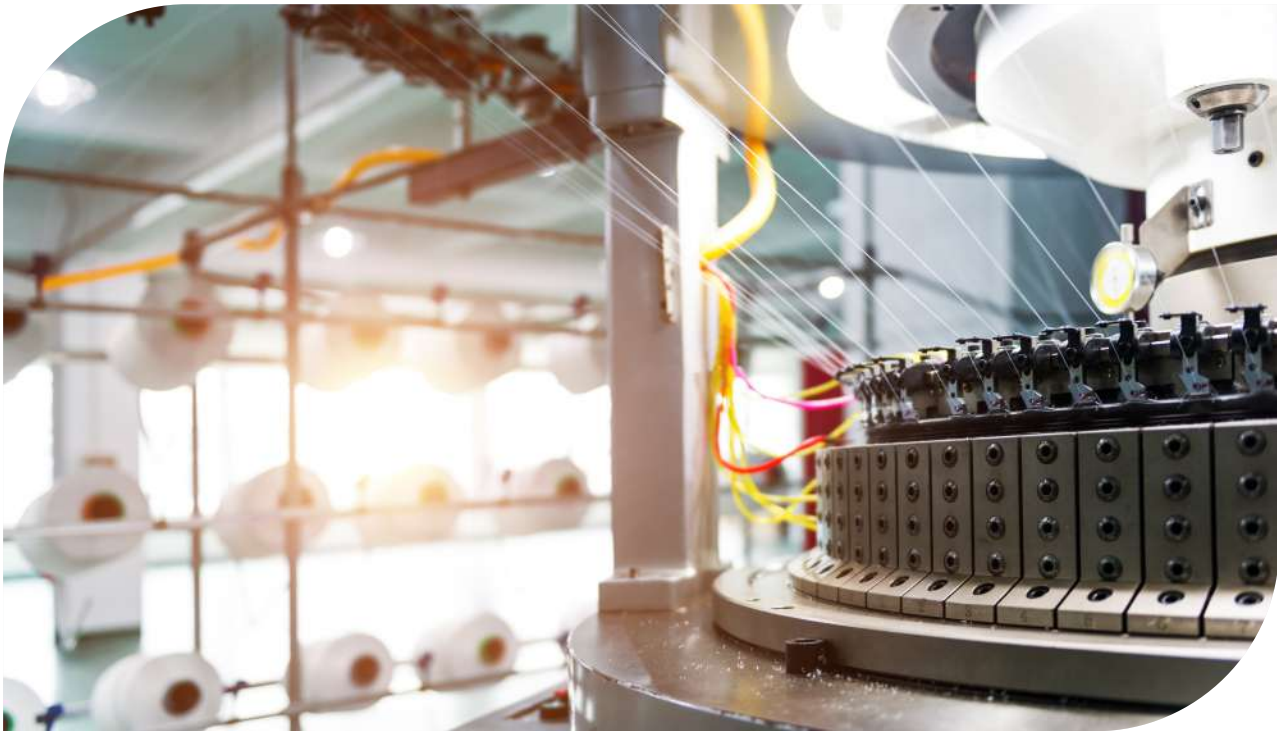
I. NHỮNG THÁCH THỨC VÀ THUẬN LỢI TRONG NĂM 2024

THÁCH THỨC

Ngành Dệt May Việt Nam nhìn chung vẫn còn nhiều thách thức, các doanh nghiệp dệt may luôn phải đứng trước áp lực về tính ổn định của đơn hàng do quyết định thay đổi nhanh chóng từ các nhãn hàng. Thách thức tiếp theo mà ngành dệt may phải đối mặt chính là đơn giá không tăng. Theo số liệu của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas) cho thay đơn giá xuất khẩu xơ, sợi trung bình của Việt Nam qua các tháng trong năm 2024 vẫn giảm so với mức nền thấp của năm 2023. Cá biệt như tháng 2, đơn giá trung bình khoảng 2.433 USD/tấn, giảm 22% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra, sự thiếu hụt nguồn cung nguyên liệu sản xuất hiện tại cũng là một thách thức lớn đối với ngành dệt may, các FTA thế hệ mới đang đòi hỏi yêu cầu xuất xứ từ sợi, vải trở đi. Trong khi đó, Việt Nam vẫn đang phải nhập khẩu khá nhiều xơ sợi và vải, đặc biệt từ Trung Quốc. Cuối cùng, tăng trưởng xanh dù là cơ hội giúp vị thế thương hiệu dệt may của Việt Nam chắc chắn hơn ở thị trường xuất khẩu, song cũng là thách thức không nhỏ khi chuyển đổi như tài chính đầu tư cho xanh hóa, cấp các chứng chỉ xanh hóa (thuê các tổ chức đánh giá tư vấn hoàn thiện để được cấp chứng chỉ).

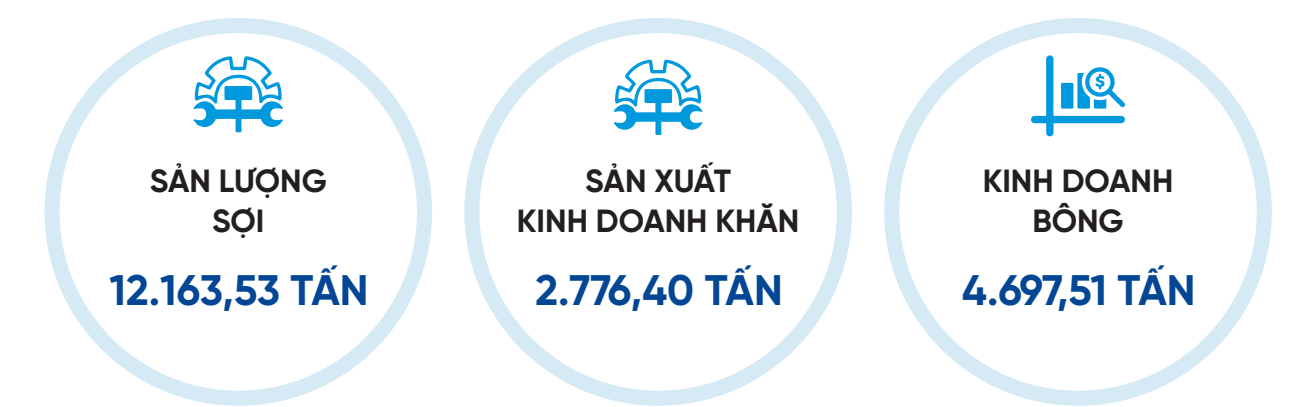
THUẬN LỢI

Năm 2024, tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam đạt 44 tỷ USD, tăng 11,3% so với năm 2023. Đặc biệt, trong nửa cuối năm, ngành dệt may chứng kiến mức tăng trưởng ấn tượng, có lúc đạt gần 20% so với cùng kỳ năm 2023, trong bối cảnh các doanh nghiệp tận dụng tốt việc chuyển dịch đơn hàng từ một số quốc gia khác như Trung Quốc, Myanmar, Bangladesh. Đồng thời, đã có 17/19 hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia có hiệu lực, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp dệt may gia tăng sức cạnh tranh tại các thị trường lớn cũng như thâm nhập loạt thị trường mới, tiềm năng. Ngoài ra, như cầu tiêu dùng tại các thị trường trọng điểm như Mỹ, EU và Nhật Bản bắt đầu phục hồi khi lạm phát hạ nhiệt và chính sách tiền tệ dần nới lỏng. Tính đến cuối năm 2024, thị phần hàng dệt may của Việt Nam tại các thị trường chính tiếp tục mở rộng, như Hoa Kỳ đạt gần 18,9%, Nhật Bản đạt 17,9% và Hàn Quốc đạt 29,2% thị phần. Trong khi đó, các đối thủ như Trung Quốc và Bangladesh nhìn chung chứng kiến sự sụt giảm về thị phần. Đặc biệt, ngành dệt may Việt Nam cũng đang được hưởng lợi từ xu hướng đa dạng hóa nguồn cung. Các nhà bán lẻ thời trang đang cho thấy xu hướng đa dạng hóa nguồn cung trong dài hạn, giảm phụ thuộc vào Trung Quốc bởi những lo ngại về rủi ro chính trị, chi phí nhân công không còn rẻ và chi phí vận chuyển cao.



II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2024

Trong năm 2024, Ban điều hành đã phát huy tinh thần đoàn kết, tập trung sự chỉ đạo tích cực triển khai các nghị quyết của Hội đồng quản trị, thực hiện kiện toàn bộ máy tổ chức và tìm hướng tháo gỡ những khó khăn, tiếp tục triển khai có hiệu quả các dự án trọng điểm của Công ty. Công ty Cổ phần Damsan vẫn đạt nhiều thành tựu trong hoạt động kinh doanh khi doanh thu hợp nhất của công ty đạt 1.628,99 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 55,13 tỷ.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2024

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2024	% +/- 2024/2023
1	Tổng tài sản	2.503,79	2.603,85	4,00
2	Vốn chủ sở hữu	918,25	957,32	4,25
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.641,85	1.628,99	(0,78)
4	Lợi nhuận trước thuế	86,46	63,52	(26,53)
5	Lợi nhuận sau thuế	74,99	55,13	(26,48)

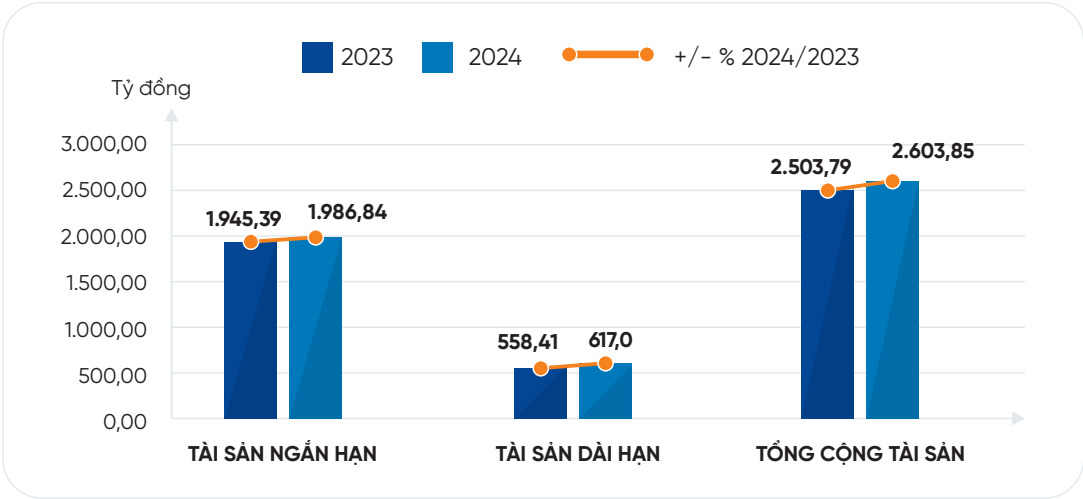
(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024)

Về quy mô tổng tài sản hợp nhất của Công ty, năm 2024 giá trị tổng tài sản của Công ty đạt mức 2.603,85 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2023. Vốn chủ sở hữu năm 2024 của Công ty tăng 4,25% so với năm 2023 và đạt mức 957,32 tỷ đồng.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất của Công ty đạt hơn 1.628,99 tỷ đồng, giảm 0,78% so với năm 2023. Lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Công ty đạt 55,13 tỷ đồng, giảm 26,48% so với năm 2023.

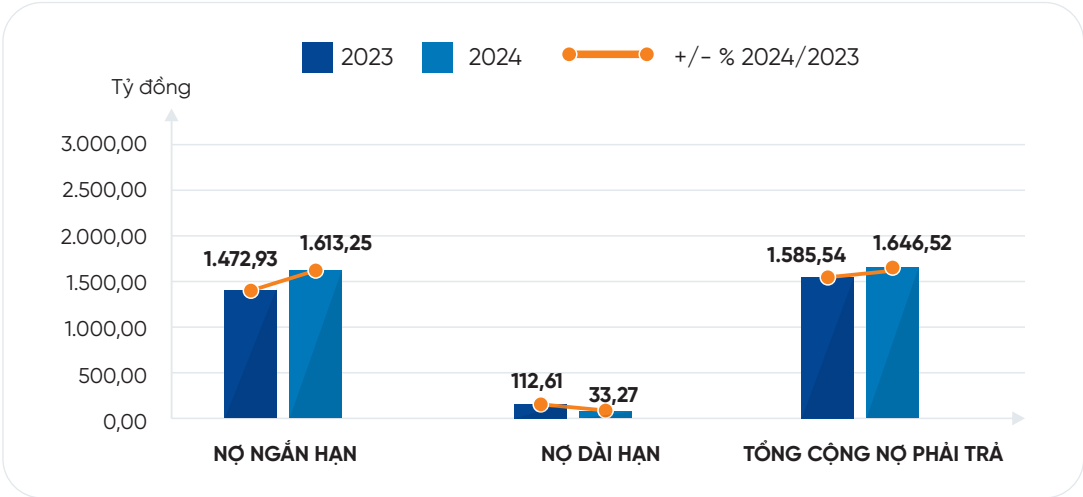
III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

VỀ TÌNH HÌNH TÀI SẢN HỢP NHẤT



Năm 2024, tổng tài sản hợp nhất của công ty đạt 2.603,85 tỷ đồng, tăng 3,99% so với năm 2023. Cơ cấu tài sản chủ yếu là tài sản ngắn hạn chiếm 76,30% (chủ yếu gồm hàng tồn kho, các khoản phải thu và tiền), tài sản dài hạn chiếm 23,70% (chủ yếu là tài sản cố định và các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

VỀ TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ



Tổng nợ phải trả hợp nhất của công ty năm 2024 là 1.646,52 tỷ đồng, tăng 3,85% so với năm 2023. Cơ cấu nợ chủ yếu là nợ ngắn hạn với giá trị 1.613,25 tỷ đồng, chiếm 97,98% tổng nợ phải trả. Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, chiếm tỷ lệ chính là các khoản phải trả ngắn hạn khác và vay, nợ thuê tài chính ngắn hạn. Đối với khoản mục nợ dài hạn, cơ cấu chủ yếu là giá trị dư nợ vay ngân hàng và trái phiếu chuyển đổi.

Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

1. ĐIỀU HÀNH VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM 2025

Định hướng nhận diện thương hiệu của công ty theo từng lĩnh vực:

- Lĩnh vực Dệt may (Sản xuất sợi cotton, khăn bông xuất khẩu, ...) qua các công ty con là Công ty cổ phần Sợi Eiffel, Công ty cổ phần sợi An Ninh.
- Lĩnh vực Bất động sản đô thị và công nghiệp (Xây dựng khu đô thị, phát triển cụm CN, Đường giao thông) qua công ty Cổ phần Damsan, Công ty cổ phần sợi Eiffel, Công ty cổ phần đầu tư Thái Bình Cầu Ngân.
- Lĩnh vực Điện năng lượng tái tạo (Sản xuất tấm pin năng lượng, đèn led...) qua công ty cổ phần tập đoàn năng lượng xanh AD. Nhằm phát huy mọi khả năng của đội ngũ quản lý và người lao động tại công ty.

Về tài chính: đa dạng hóa nguồn vốn, đảm bảo chi phí vốn ở mức thấp, cân đối sử dụng dụng an toàn, hiệu quả, bền vững.

Về nhân sự: xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao các lớp đào tạo kỹ năng cho cán bộ quản lý. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp rõ nét, nâng cao ý thức và kỷ luật người lao động, tăng năng suất lao động.

Về kinh doanh: bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong xử lý tình huống, đa dạng thị trường tiêu thụ và phát triển khách hàng.

Về công nghệ: Đối với những dây chuyền cần thay thế hoặc các dự án đầu tư mới, thực hiện đầu tư công nghệ mới, hiệu suất cao, sử dụng năng lượng thấp, tính năng tự động hóa cao.

Về quản trị điều hành: Nâng cao năng lực quản trị điều hành, tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, ban hành các quy chế, quy trình rõ ràng, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững.



2. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH CÔNG TY HỢP NHẤT

NĂM 2025

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	THỰC HIỆN 2024	KẾ HOẠCH 2025	KH 2025/TH 2024(%)
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.628,96	1.950,4	+19,73%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	63,52	120,5	+89,70%
3	Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	Tỷ đồng	5%	15%	+87,50%
4	Thu nhập bình quân	Đồng/người	8.000.000	9.000.000	+12,5%

3. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ MỚI

VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH

SẢN XUẤT KINH DOANH SỢI, BÔNG

Hiện sản xuất 90-100% công suất theo thời gian và khả năng tiêu thụ.

TẮM PIN ĐIỆN MẶT TRỜI

Chuyển máy móc thiết bị tại Nhà máy AD Green về lắp đặt tại Nhà máy Damsan KCN Gia Lễ, dự kiến hoàn thành lắp máy và vận hành sản xuất trở lại vào đầu quý 3/2025, sản phẩm tiêu thụ tại thị trường nội địa phục vụ lắp đặt điện năng lượng mặt trời áp mái, Nhà máy AD Green tại CCN An Ninh Tiến Hải cho thuê thu về lợi nhuận cho mảng kinh doanh bất động sản.

NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ VÀ PHẦN ĐẤT CÒN LẠI

Hoàn thiện xong dự án nhà xưởng cho thuê và hoàn tất phần hạ tầng tại Cụm công nghiệp An Ninh.

Xây dựng Nhà xưởng cho thuê 100.000 m² trong năm 2025

BẤT ĐỘNG SẢN DÂN DỤNG

Xây dựng xong các lô nhà đất thương mại còn lại tại Phú Xuân, Bồ Xuyên và Quang Trung.

ĐẦU TƯ

Hoàn thiện xong thủ tục đầu tư Cụm công nghiệp Ninh An 74ha.

Hoàn thiện xong thủ tục đầu tư, triển khai thực hiện Giải phóng mặt bằng Cụm công nghiệp An Ninh mở rộng 25ha.

Hoàn thiện xong thủ tục đầu tư, triển khai thực hiện Giải phóng mặt bằng giai đoạn 1 Cụm công nghiệp Vũ Ninh mở rộng 18,3ha

Dự án BOT đường Thái Bình Cầu Nghìn:

- Dừng dự án BOT đường Thái Bình Cầu Nghìn, quyết toán thanh toán với nhà nước xong trong năm nay và có thể sang năm 2025.

Hoàn thiện thủ tục, triển khai đầu tư xây dựng 2 tòa nhà ở xã hội tại Khu đô thị Phú Xuân Damsan trong năm 2025, dự kiến bắt đầu đầu tư vào quý III/2025.

Hoàn thiện và đầu tư 100.000 m² Nhà xưởng cho thuê tại cụm công nghiệp Ninh An, Kiến Xương, Thái Bình

LẬP CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ MỚI

Tập trung chủ yếu vào Cụm công nghiệp, khu công nghiệp và nhà ở xã hội.

Lập đề xuất xin đầu tư thêm 2 Cụm công nghiệp trong năm nay để cho ngành này gối cho các năm sau.

Lập đề xuất đầu tư Khu công nghiệp tại Thái Bình hoặc các tỉnh khác.

4. GIẢI PHÁP VÀ BIỆN PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN ĐƯỢC CÁC MỤC TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024

Năm 2025, dự báo kinh tế thế giới vẫn còn có nhiều bất ổn, tăng trưởng đơn hàng sẽ khó đột biến. Ngành dệt may hiện đối mặt với thách thức kép từ giá nguyên liệu biến động và nhu cầu tiêu dùng suy giảm; đồng thời chi phí lao động ngày càng cạnh tranh do Việt Nam đang thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư FDI, kéo theo nhu cầu lao động gia tăng và cạnh tranh lương ngày càng gay gắt. Nhằm tối đa hóa lợi nhuận năm 2025, Ban Điều hành công ty đã có kế hoạch và các biện pháp giải pháp thực hiện các mục tiêu đề ra ngay từ đầu năm, cụ thể:

Cải tiến máy móc thiết bị, đa dạng hoá các loại sản phẩm thích ứng xu hướng của thị trường; Thực hiện sản xuất linh hoạt các nhà máy sợi, máy dệt, may khăn theo kế hoạch kinh doanh; Tối ưu hoá chi phí sản xuất, bảo dưỡng máy móc thiết bị theo lịch xịch, kiểm soát tiêu hao và chỉ tiêu chất lượng chi tiết, chặt chẽ từng khâu sản xuất; đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt nhất, tăng khả năng cạnh tranh, duy trì sản lượng và doanh thu ổn định, phấn đấu đạt mục tiêu lợi nhuận năm 2025.

Bám sát thị trường để có những điều chỉnh kịp thời về giá, lập kế hoạch nguyên vật liệu phù hợp, đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao nhất.

Liên tục cập nhật các cơ quan nhà nước để hoàn thiện thủ tục hồ sơ các dự án, kịp thời giải đáp và cung cấp các hồ sơ liên quan để các cơ quan chức năng phê duyệt hồ sơ để triển khai theo kế hoạch.

Tiếp tục sàng lọc, tinh gọn bộ máy, nâng cao năng suất lao động và tiết giảm chi phí chung.



5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường. Trong năm 2024:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Năm 2024, Công ty luôn chăm lo đời sống cho Người lao động, thực hiện đầy đủ chế độ thưởng các ngày lễ trong năm, sinh nhật, sinh hoạt tập thể nhằm gắn kết Người lao động tạo sức mạnh to lớn để hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh ý thức thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường hướng đến sự phát triển bền vững, Công ty còn quan tâm tới các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đến ơn đáp nghĩa với mong muốn đóng góp vì một cuộc sống chất lượng hơn - hạnh phúc hơn.





BÁO CÁO CỦA HĐQT

1. Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, ngành
2. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc
4. Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024



I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ, NGÀNH

Kinh tế – xã hội Việt Nam năm 2024 tiếp tục xu hướng phục hồi rõ nét. Tổng sản lượng quốc gia năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước. Trong nước, hoạt động sản xuất hàng hóa, dịch vụ duy trì theo hướng tăng trưởng ổn định, bảo đảm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và phục vụ xuất khẩu. Tính chung cả năm 2024, CPI tăng 3,36% so với năm trước, đạt mục tiêu kế hoạch đặt ra.

Bên cạnh đó, bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục biến động khó lường, xung đột leo thang ở nhiều khu vực; giá xăng dầu, cước vận tải biến động mạnh, kinh tế thương mại phục hồi chậm, thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng diễn biến phức tạp; thiếu hụt và cạnh tranh lao động tại các trung tâm sản xuất, khu công nghiệp lớn gây ra nhiều khó khăn cho doanh nghiệp trong tổ chức sản xuất. thị trường dệt may thế giới bắt đầu có dấu hiệu phục hồi từ giữa năm khi các Ngân hàng Trung ương lớn như FED, ECB có các đợt cắt giảm lãi suất điều hành và việc làm, thu nhập người dân có sự cải thiện. Ước tính cả năm 2024, tổng cầu dệt may thế giới đạt khoảng 794 tỷ USD, tăng gần 3% so với năm 2023, nhưng vẫn thấp hơn 8% so với năm 2022.

Với ngành Dệt May Việt Nam, trong quý 1, quý 2 năm 2024, tình hình vẫn rất khó khăn. Yếu tố khách quan là kinh tế thế giới tiếp tục suy giảm, lạm phát tăng; bất ổn chính trị tiếp tục duy trì... Bên cạnh đó, nhu cầu dệt may không tăng, đơn hàng với ngành may tiếp tục là đơn hàng nhỏ lẻ, yêu cầu khắt khe về chất lượng, thời gian giao hàng nhanh. Đáng chú ý, đơn giá ngành may trong 6 tháng đầu năm vẫn ở mức rất thấp trên nền đơn giá của năm 2023. Với ngành sợi, thị trường vẫn ảm đạm, giá bán dưới giá thành, tuy có cải thiện một chút nhưng vẫn lỗ. Tuy nhiên, nửa cuối năm có sự đảo chiều bất ngờ. Một số thị trường đối thủ của dệt may Việt Nam bị bất ổn chính trị, điển hình là Bangladesh, dẫn tới khách hàng chuyển hướng đặt hàng từ Bangladesh sang Việt Nam. Việt Nam là một trong những thị trường được ưu tiên chọn cho các đơn hàng chuyển dịch.

Trước những diễn biến mới của thị trường, Công ty Cổ phần Damsan đã chủ động điều chỉnh chiến lược kinh doanh nhằm thích ứng với bối cảnh đầy thách thức.

So với các đối thủ cạnh tranh, Việt Nam đang là nước có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong các nước xuất khẩu dệt may khoảng trên 10% và dự kiến đến cuối năm



2024 tổng kim ngạch xuất khẩu sẽ cán đích gần 44 tỷ USD. Với kết quả này, Việt Nam vượt trên Ấn Độ về tốc độ tăng trưởng xuất khẩu dệt may khi nước này đạt gần 7%. Trung Quốc có tổng kim ngạch xuất khẩu trong 11 tháng là 273,4 tỷ USD, chỉ tăng 2%; đối thủ Bangladesh tăng trưởng xuất khẩu giảm và chỉ xuất được 27,7 tỷ USD.

Với ngành bất động sản, tính chung cả năm 2024, toàn thị trường ghi nhận khoảng gần 81 nghìn sản phẩm bất động sản được chào bán, tăng hơn 40% so với năm 2023. Trong đó, có 65,376 sản phẩm chào bán mới, gấp khoảng 3 lần so với năm 2023, nhưng mới chỉ bằng khoảng 7% so với năm 2018 – năm chưa xảy ra đại dịch. Riêng quý 4/2024, thị trường ghi nhận 28 nghìn sản phẩm chào bán mới, gấp 2 lần so với quý trước và gấp 4 lần cùng kỳ năm 2023.

Lượng giao dịch trong năm 2024 cũng tiếp tục tăng trưởng ổn định khi nguồn cung được cải thiện cả về lượng và chất. Nhu cầu mua BĐS, bao gồm cả để ở và đầu tư rất cao và đang không ngừng tăng cùng tốc độ đô thị hóa và quá trình phát triển kinh tế, trên nền tảng hành lang pháp lý được hoàn thiện.

Tính chung cả năm 2024, toàn thị trường ghi nhận hơn 47 nghìn giao dịch thành công, tương đương với tỷ lệ hấp thụ đạt 72%. Với hơn 50% lượng giao dịch sơ cấp được đóng góp bởi nhu cầu đầu tư. Trong đó, có một lượng đầu cơ nhất định.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2023	2024	% TĂNG TRƯỞNG
Tổng tài sản	Tỷ đồng	2.503,79	2.603,85	3,99
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	583,95	763,95	30,82
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.641,85	1.628,96	(0,80)
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	1.455,83	1.495,36	2,72
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	86,46	63,52	(26,53)
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	74,99	55,13	(26,48)

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Damsan đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành khi thực hiện triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị như sau: Hội đồng quản trị kết hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát và các giám đốc, người điều hành các đơn vị nắm rõ tình hình hoạt động của công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Tổng Giám đốc/Ban Tổng giám đốc hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị giao. Định kỳ đại diện Ban Kiểm soát báo cáo tại các cuộc họp Hội đồng quản trị: tình hình quản lý sản xuất kinh doanh tại các bộ phận/đơn vị trong công ty; các rủi ro trọng yếu được phát hiện trong quý đồng thời đưa ra kế hoạch hành động để khắc phục và giảm thiểu rủi ro; báo cáo các cuộc kiểm toán đã thực hiện trong quý, trong đó nêu các phát hiện kiểm toán và giải pháp khắc phục. Qua đó Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đánh giá kế hoạch hành động cũng như các giải pháp khắc phục có phù hợp với thực tế chưa để từ đó đưa ra các kiến nghị mang tính chất thực tiễn hơn. Định kỳ nghe các Giám đốc/điều hành đơn vị thực hiện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các chỉ tiêu được giao trong các cuộc họp Hội đồng quản trị, kịp thời phát hiện những bất cập, khó khăn để đưa ra hướng giải quyết. Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết sau các buổi họp định kỳ và theo yêu cầu để thông qua kết quả hoạt động kinh doanh từng quý, nhận định tình hình thị trường để từ đó rà soát lại kế hoạch kinh doanh quý tiếp theo và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị để Tổng Giám đốc/Ban Tổng giám đốc có cơ sở triển khai thực hiện.

Đánh giá chung căn cứ Điều lệ, những quy chế và quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị giao quyền cho Ban Tổng giám đốc quyết định công việc kinh doanh hàng

ngày của Công ty đồng thời tổ chức thực hiện các quyết định, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông giao cho. Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng các báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng Giám đốc/Ban Tổng giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông. Ban điều hành công ty đã rất nỗ lực và đã hoàn thành xuất sắc các hoạt động quản trị điều hành cũng như các chỉ tiêu kinh doanh đặt ra. Đồng thời cũng thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững, nâng cao công tác quản trị Công ty, nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro.



3. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

A. MỤC TIÊU:

Xây dựng Công ty Cổ phần Damsan vững mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý kinh doanh và chuyên gia giỏi.



B. ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN:

HĐQT đã đưa ra chủ trương chuyển mô hình quản trị Công ty, đưa mô hình Công ty từ trực tiếp sang văn phòng điều hành và định hướng sang nhận diện thương hiệu theo ngành: Dệt may; Bất động sản đô thị và công nghiệp; Bất động sản giao thông, nhằm phát huy mọi khả năng của đội ngũ quản lý và người lao động tại Công ty:

VỀ NGUỒN VỐN

Đa dạng hóa nguồn vốn, đảm bảo chi phí vốn ở mức thấp, cân đối sử dụng an toàn, hiệu quả, bền vững.

VỀ NGUỒN LỰC DỰ KIẾN

Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao các lớp đào tạo kỹ năng cho cán bộ quản lý; Xây dựng văn hóa doanh nghiệp rõ nét, nâng cao ý thức và kỷ luật người lao động, tăng năng suất lao động.

VỀ KINH DOANH

Bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong xử lý tình huống, đa dạng thị trường tiêu thụ và phát triển khách hàng.

VỀ CÔNG NGHỆ

Đối với những dây chuyền cần thay thế hoặc các dự án đầu tư mới, thực hiện đầu tư công nghệ mới, hiệu suất cao, sử dụng năng lượng thấp, tính năng tự động hóa cao.

VỀ QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH

Nâng cao năng lực quản trị điều hành, tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, ban hành các quy chế, quy trình rõ ràng, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

II. BAN KIỂM SOÁT

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. THÀNH VIÊN HĐQT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU (CỔ PHIẾU)	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT	9.206.284	12,05%
2	Ông Đỗ Văn Khôi	TV HĐQT không điều hành	3.969.500	5,20%
3	Ông Nguyễn Lê Hùng	TV HĐQT không điều hành	3.612.043	4,73%
4	Ông Lê Văn Tuấn	TV HĐQT không điều hành	828.664	1,08%
5	Ông Phạm Văn Thương	TV HĐQT độc lập	-	-



Ông VŨ HUY ĐÔNG

- Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ngày tháng năm sinh
21/06/1955
- CMND/CCCD số
034055003633 – do Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 23/10/2017
- Địa chỉ:
Số 01 đường Lê Trọng Thứ, tổ 4, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình
- Trình độ chuyên môn
Cử nhân Kinh tế, Đại học Ngoại thương Hà Nội
- Số lượng chức danh thành viên HĐQT/
quản lý nắm giữ tại công ty khác:
Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sợi Eiffel



Ông ĐỖ VĂN KHÔI

- Thành viên HĐQT không điều hành
- Ngày tháng năm sinh
07/04/1956
- CMND/CCCD số
033056011019 – do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01/11/2021
- Địa chỉ:
51F Làng Yên Phụ, P. Yên Phụ
Tây hồ, Hà nội
- Trình độ chuyên môn
Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại thương Hà Nội
- Số lượng chức danh thành viên HĐQT/
quản lý nắm giữ tại công ty khác:
không

Ông NGUYỄN LÊ HÙNG

- Thành viên HĐQT không điều hành
- Ngày tháng năm sinh
30/08/1973
- CMND/CCCD số
001073069599 – do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/12/2021
- Địa chỉ:
P1404-27, Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn
Kỹ sư Xây dựng - Đại học Xây dựng
- Số lượng chức danh thành viên HĐQT/
quản lý nắm giữ tại công ty khác: 01
Giám đốc tài chính Công ty TNHH Minh Trí

Ông LÊ VĂN TUẤN

- Thành viên HĐQT không điều hành
- Ngày tháng năm sinh
01/07/1961
- CMND/CCCD số
034061015442 – do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/06/2021
- Địa chỉ:
Số A14, Tòa nhà C6, TTQĐ Tôn Thất Thiệp,
Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn
Cử nhân Kinh tế
- Số lượng chức danh thành viên HĐQT/
quản lý nắm giữ tại công ty khác: 02
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thanh Bình Hà Nội
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP tư vấn xây dựng và công nghệ Mỏ

Ông PHẠM VĂN THƯƠNG

- Thành viên HĐQT độc lập
- Ngày tháng năm sinh
19/02/1985
- CMND/CCCD số
030085004797 – do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 23/03/2017
- Địa chỉ:
P2613 CC BMM, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn
Cử nhân tài chính ngân hàng
- Số lượng chức danh thành viên HĐQT/
quản lý nắm giữ tại công ty khác:
không

2. THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có.

3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ
1	Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT	12	100%
2	Ông Nguyễn Lê Hùng	TV HĐQT không điều hành	12	100%
3	Ông Đỗ Văn Khôi	TV HĐQT không điều hành	12	100%
4	Ông Lê Văn Tuấn	TV HĐQT không điều hành	12	100%
5	Ông Phạm Văn Thượng	TV HĐQT độc lập	12	100%

Năm 2024, HĐQT của Công ty đã có nhiều nỗ lực, chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã đề ra, cụ thể:

- HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp cũng như số thành viên tham dự để đáp ứng tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp.
- HĐQT thực hiện tốt vai trò của mình, theo đó vai trò của thành viên được thể hiện rõ đảm bảo tối đa quyền lợi của cổ đông.
- HĐQT giám sát việc thực hiện các quyết định của HĐQT và nghị quyết ĐHĐCĐ.
- HĐQT định hướng và giám sát triển khai các dự án quan trọng của Công ty như quản lý rủi ro, kiểm toán, cải thiện quy trình nghiệp vụ kinh doanh.



4. CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
1	0201/2024/NQ - HĐQT	02/01/2024	Triển khai chào bán Cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư	100%
2	09012024/NQ-HĐQT	09/01/2024	Thông qua phương án xử lý cổ phiếu còn dư do nhà đầu tư không đăng ký, không nộp tiền mua trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
3	15012024/2024/NQ-HĐQT	15/01/2024	Thông qua Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
4	2301/2024/QĐ-HĐQT	23/01/2024	Về việc thay đổi đăng ký doanh nghiệp	100%
5	29022024/NQ-HĐQT	29/02/2024	Thông qua việc thanh toán lãi đợt 2, thanh toán gốc và thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (Chuyển đổi đợt 2) của trái phiếu Công ty Cổ phần Damsan (ADSH2224001)	100%
6	02032024/NQ-HĐQT	02/03/2024	Về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
7	05032024/NQ-HĐQT	05/03/2024	Thông qua việc thanh toán lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Damsan (ADSH2224001)	100%
8	09032024/NQ-HĐQT	09/03/2024	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024	100%
9	18032024/NQ-HĐQT	18/03/2024	Thông qua việc lấy ý kiến người sở hữu Trái phiếu Công ty cổ phần Damsan (ADSH2224001) bằng văn bản	100%
10	04042024/NQ-HĐQT	04/04/2024	Thông qua thay đổi một số điều khoản, điều kiện trái phiếu Công ty Cổ phần Damsan (ADSH2224001)	100%
11	17042024-1/NQ-HĐQT	17/04/2024	Về việc thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (Chuyển đổi đợt 2) của trái phiếu Công ty Cổ phần Damsan (ADSH2224001)	100%
12	21052024/NQ-HĐQT	21/05/2024	Về việc thông qua việc phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu (Chuyển đổi đợt 2 của Trái phiếu Công ty Cổ phần Damsan (ADSH2224001)	100%
13	02082024/NQ-HĐQT	02/08/2024	Về việc trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt	100%
14	3112/2024/DS-QĐMN	31/12/2024	Về việc Miễn nhiệm Kế toán Trưởng Công ty	100%
15	3112/2024/DS-QĐ	31/12/2024	Về việc Bổ nhiệm Phụ trách Kế toán Công ty	100%

5. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao; tham gia đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề cần sự quyết định của Hội đồng quản trị; tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc theo phân công công việc của Hội đồng quản trị.

Đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2024, thành viên Hội đồng quản trị độc lập nhận thấy:

- Hội đồng quản trị của Công ty trong năm 2024 đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện đúng vai trò của mình và đã đề xuất nhiều giải pháp, đưa ra những quyết định đúng đắn, kịp thời và minh bạch trong công tác quản trị; tuân thủ đầy đủ các quy định đối với công ty đại chúng.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ, bất thường để thông qua các vấn đề theo thẩm quyền; thường xuyên chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã hết sức nỗ lực trong việc tìm kiếm, đề xuất và triển khai những giải pháp điều hành phù hợp, hiệu quả trong những diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế xã hội năm 2024.

II. BAN KIỂM SOÁT

1. THÀNH VIÊN BKS

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU (CÓ PHIẾU)	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	Bà Phạm Thị Hối	Trưởng BKS	6.213	0,01%
2	Bà Tạ Thị Thu Hiền	TV BKS	803	0,00%
3	Bà Vũ Thùy Linh	TV BKS	32	0,00%

2. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ (%)
1	Bà Phạm Thị Hối	Trưởng BKS	05	100%
2	Bà Vũ Thùy Linh	TV BKS	05	100%
3	Bà Tạ Thị Thu Hiền	TV BKS	05	100%

3. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ giám sát hoạt động quản lý điều hành Công ty đảm bảo nguyên tắc khách quan, trung thực căn cứ vào Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các quy định pháp lý hiện hành. Cụ thể, Ban kiểm soát đã triển khai những công việc sau:

- BKS thường xuyên kiểm tra, giám sát để bảo đảm Công ty thực hiện đúng theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- BKS bám sát tình hình hoạt động của các đơn vị, hàng quý thực hiện kiểm tra các đơn vị để hỗ trợ các đơn vị thực hiện công tác hạch toán kế toán đúng quy định đồng thời thực hiện đúng chính sách với người lao động.
- BKS cũng có nhiều ý kiến đóng góp cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc về tình hình thực hiện kế hoạch Sản xuất kinh doanh, cũng như công tác kế toán.
- BKS phối hợp với HĐQT kiểm tra thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua, các Nghị quyết, Quyết định đã ban hành, tiến độ thực hiện,... Xem xét đánh giá các chỉ tiêu kế hoạch, kịp thời chỉ đạo và định hướng để Ban điều hành đảm bảo hoạt động của công ty.

4. ĐÁNH GIÁ CỦA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN TGD

VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các hoạt động của HĐQT năm 2024 đã tuân thủ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như các quy định của Pháp luật hiện hành, tổ chức họp thường xuyên, họp định kỳ hàng quý, họp bất thường khi cần thiết do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, thường xuyên mời Trưởng BKS tham dự và triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thảo luận và quyết nghị những vấn đề chính yếu của Công ty, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai minh bạch. Đề xuất giải quyết tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác những cơ hội thuận lợi, đầu tư phát triển hiệu quả, bảo toàn vốn, giải quyết kịp thời quyền lợi của cổ đông, chế độ đối với người lao động. Các Nghị quyết của HĐQT phù hợp với chức năng, quyền hạn theo quy định của Pháp luật và điều lệ công ty. Các quyết định của HĐQT mang tính tập trung và có sự thống nhất cao.



VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoạt động của Công ty đã được ban điều hành triển khai thực hiện trên cơ sở Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và Điều lệ Công ty. Ban TGD đã chủ động khắc phục những khó khăn của nền kinh tế và thực trạng tình hình tài chính doanh nghiệp, phân công cơ cấu theo lĩnh vực và sát sao theo tình hình thực tế công việc. Công tác quản lý, điều hành của các đơn vị thành viên đã được cơ cấu theo hướng tích cực, năng động trong thực hiện nhiệm vụ SXKD về tài chính và nghĩa vụ quyền lợi rõ ràng hơn.



III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	THU NHẬP (ĐỒNG)
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT	629.643.942
	Ông Nguyễn Lê Hùng	TV HĐQT không điều hành	120.000.000
	Ông Đỗ Văn Khôi	TV HĐQT không điều hành	156.000.000
	Ông Lê Văn Tuấn	TV HĐQT không điều hành	120.000.000
	Ông Phạm Văn Thương	TV HĐQT độc lập	120.000.000
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Ông Vũ Huy Đức	Tổng giám đốc	343.523.865
	Bà Vũ Phương Diệp	Phó Tổng giám đốc	393.586.250
	Ông Vương Quốc Dương	Phó Tổng giám đốc	530.710.256
	Ông Lê Xuân Chiến	Phó Tổng giám đốc	452.812.212
BAN KIỂM SOÁT	Bà Phạm Thị Hối	Trưởng BKS	244.766.692
	Bà Vũ Thùy Linh	TV BKS	168.932.538
	Bà Tạ Thị Thu Hiền	TV BKS	123.769.038
KẾ TOÁN TRƯỞNG	Phạm Thị Dung	Kế toán trưởng	217.654.692

2. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯƠNG...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	
				%		%	
1	Vũ Huy Đức	Tổng giám đốc	3.382.489	5,79%	1.539.489	2,01%	Bán cổ phiếu Chuyển đổi 30% trái phiếu thành cổ phiếu (Đợt 2)
2	Vương Quốc Dương	Phó Tổng giám đốc	1.025.834	1,76%	1.145.834	1,50%	Chuyển đổi 30% trái phiếu thành cổ phiếu (Đợt 2)
3	Đỗ Văn Khôi	Thành viên HĐQT	2.669.500	4,57%	3.969.500	5,20%	Mua CP phát hành riêng lẻ Chuyển đổi 30% trái phiếu thành cổ phiếu (Đợt 2)
4	Đỗ Đức Khang	Con trai ông Đỗ Văn Khôi	3.058.174	5,24%	4.058.174	5,31%	Mua CP phát hành riêng lẻ
5	Nguyễn Lê Hùng	Thành viên HĐQT	3.312.043	5,67%	3.612.043	4,73%	Chuyển đổi 30% trái phiếu thành cổ phiếu (Đợt 2)
6	Công ty TNHH Golf Long Hưng	Bà Vũ Phương Diệp Phó TGD công ty Làm giám đốc	65	0,00%	1.638.865	2,15%	Mua cổ phiếu

3. GIAO DỊCH, HỢP ĐỒNG CỦA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	TÊN CÔNG TY	GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (TRIỆU ĐỒNG)	
		BÁN HÀNG	MUA HÀNG
1	Công ty CP Dệt may Đông Phong	142.699,8	92.668,64
2	Công ty TNHH XNK API	37.801,59	65.766,86
3	Công ty CP Tập đoàn Năng lượng Xanh AD	172,47	109.330,81
4	Công ty TNHH Golf Long Hưng	68.779,1	127.027,71
5	Công ty CP Đầu tư An Ninh Thái Bình	120.724,18	570.977,41
6	Công ty Cổ phần đầu tư ADP	97.655,43	138.906,46
7	Công ty TNHH Xây dựng Đức Dũng Thái Bình	59.915,62	207.410,96
8	Công ty Cổ phần năng lượng xanh ADE	33.830,88	3.048,45

4. VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:

- Tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ về Công bố thông tin.
- Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông.
- Áp dụng Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty bám sát theo Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị định 155/2020/NĐ – CP về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư 116/2020/TT – BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020.
- Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh. Qua đó giúp ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

5. TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ CÔNG TY

TIÊU CHÍ QUẢN TRỊ	GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ
Kế hoạch đào tạo, học tập về quản trị công ty	Các thành viên HĐQT, BKS và BGĐ lên kế hoạch để tham gia đầy đủ các khóa học/tập huấn về quản trị công ty do UBCKNN/HSX tổ chức.
Quan hệ nhà đầu tư	Cập nhật Quy trình công bố thông tin theo Quy chế Công bố thông tin của Sở GDCK TP Hồ Chí Minh.
Quản trị tài chính – kế toán	Nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán trong quản trị tài chính – kế toán.



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- I.TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG
- II.TIÊU THỤ NƯỚC
- III.TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG
- IV.TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
- V. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG
- VI. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG
- VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2023

I. TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

1. CÁC SÁNG KIẾN VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Bổ sung trồng nhiều cây xanh trong phạm vi Nhà máy để làm tăng quá trình hấp thụ CO₂, cải tạo không khí.

Cần nâng cao ý thức tiết kiệm điện.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong toàn Nhà máy.



2. QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Khoảng 6.928 tấn bông và 4.953 tấn sợi, 1.563 tấn khăn.

II. TIÊU THỤ NƯỚC

1. LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ

Khối lượng (m ³)	17.937
Thành tiền - Chi phí (triệu đồng)	186,13
Nguồn cung cấp	Công ty CP cấp nước Hoàng Diệu Công ty CP nước sạch Thái Bình



2. TÁI CHẾ, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Do đặc thù của ngành doanh nghiệp sử dụng một số lượng lớn nước để phục vụ hoạt động sản xuất khăn bông đồ may mặc. Công ty tiến hành quy trình tái chế và xử lý nước thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh.



III. TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

1. LƯỢNG ĐIỆN TIÊU THỤ

Điện năng được Công ty sử dụng chủ yếu cho hai mục đích là vận hành máy móc và chiếu sáng tại công xưởng. Công ty luôn ý thức việc sử dụng tiết kiệm điện năng theo chương trình mục tiêu Quốc gia về tiết kiệm năng lượng đồng thời cũng để cắt giảm chi phí sản xuất doanh nghiệp.

Khối lượng Kwh	17.146.120
Thành tiền - chi phí (triệu đồng)	31.950,32
Nguồn cung cấp	Tổng công ty điện lực miền Bắc Công ty điện lực Thái Bình

2. TIẾT KIỆM ĐIỆN

Công ty đã tiến hành thực hiện một chương trình tiết kiệm điện: tuyên truyền nâng cao ý thức người lao động trong việc sử dụng điện và tiến hành thay mới một số bóng đèn tiết kiệm điện.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ đẩy mạnh việc giảm thiểu tiêu thụ điện năng bằng cách rà soát lại các máy móc, trang thiết bị điện để tiến hành thay mới nếu cần thiết.

Công ty đã thực hiện xây dựng hệ thống điện áp mái tại KCN Gia Lễ và KCN Nguyễn Đức Cảnh định hướng phát triển năng lượng tái tạo cho toàn Công ty.



IV. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về bảo vệ môi trường, các đoàn thanh, kiểm tra Môi trường thường đến kiểm tra và kết luận công ty đã tuân thủ về bảo vệ môi trường. Công ty cũng không bị xử phạt hành chính về việc vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định.



V. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Năm 2023, Công ty luôn chăm lo đời sống cho Người lao động, thực hiện đầy đủ chế độ thưởng các ngày lễ trong năm, sinh nhật, sinh hoạt tập thể nhằm gắn kết Người lao động tạo sức mạnh to lớn để hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.

Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động đào tạo nội bộ cho cán bộ nhân viên trong công ty về kỹ năng, kiến thức chuyên sâu áp dụng trong từng mảng hoạt động của Công ty nhằm phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

VI. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Chia sẻ giá trị với cộng đồng được chúng tôi coi như một trong những sứ mệnh của mình và là một tiêu chí đo lường mức độ thành công của tổ chức. Thành công được chia sẻ mới có thể là thành công bền vững.

Xây dựng một môi trường làm việc đảm bảo mọi người lao động đều được an toàn, khỏe mạnh có cơ hội phát triển, nuôi sống được bản thân, gia đình,... tạo công ăn việc làm ổn định cho lao động địa phương là một trách nhiệm xã hội lớn mà Công ty Cổ phần Damsan đã làm được. Bên cạnh những nỗ lực, cố gắng trong sản xuất kinh doanh, Công ty xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp xã hội. Hằng năm, Công ty luôn dành một phần lợi nhuận của mình để thực hiện các hoạt động mang tính cộng đồng, góp phần cải thiện đời sống xã hội trên tinh thần giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn bất hạnh trong cuộc sống, cùng góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp, nhân văn.

Bên cạnh những đóng góp vào sự phát triển cộng đồng, chúng tôi cũng làm tốt trách nhiệm của mình trong việc đảm bảo môi trường sống của cộng đồng địa phương bằng việc thực hiện nghiêm túc và tự giác các quy định về giải pháp về môi trường.



VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2024

Thái Bình, ngày 14 tháng 4 năm 2025
Người đại diện pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 63

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Damsan (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Khôi	Ủy viên
Ông Nguyễn Lê Hùng	Ủy viên
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên
Ông Phạm Văn Thương	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Hồi	Trưởng ban	Từ nhiệm kể từ ngày 02/01/2025
Bà Vũ Thùy Linh	Thành viên	Bỏ nhiệm kể từ ngày 02/01/2025
Bà Tạ Thị Thu Hiền	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Vũ Huy Đức	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm kể từ ngày 07/01/2025
	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Bỏ nhiệm kể từ ngày 07/01/2025
Bà Vũ Phương Diệp	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vương Quốc Dương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Xuân Chiến	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Minh Hà	Phụ trách kế toán	Bỏ nhiệm kể từ ngày 01/01/2025
Bà Phạm Thị Dung	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm kể từ ngày 01/01/2025

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện nêu tại Thuyết minh số 39 phần thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, không có bất kỳ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này là Ông Vũ Huy Đông.

Ông Vũ Huy Đông - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đã ký Quyết định ủy quyền cho Ông Lê Xuân Chiến - Phó Tổng Giám đốc Công ty theo Quyết định số 1507/2024/UQ-DS ngày 15/07/2024 để ký Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Xuân Chiến

Phó Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Số: 387 /2025/UHY-BCKT

uhy.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Damsan
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần DamSan

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Damsan (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 63 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các Quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Quang Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Ngô Anh Dũng

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số số 5215-2021-112-1

Mẫu số B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.986.840.906.194	1.945.387.034.832
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	271.992.099.803	152.045.243.846
Tiền	111		191.492.099.803	151.960.243.846
Các khoản tương đương tiền	112		80.500.000.000	85.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	376.743.332.996	380.450.450.157
Chứng khoán kinh doanh	121	5.1	70.000.000.000	65.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	306.743.332.996	315.450.450.157
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		783.539.133.181	881.033.776.648
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	276.999.354.125	210.680.340.524
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	272.810.349.256	316.058.943.385
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	92.950.103.588	84.342.340.512
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	166.836.265.743	293.376.888.150
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(26.056.939.531)	(23.424.735.923)
Hàng tồn kho	140	11	535.352.440.620	518.206.692.341
Hàng tồn kho	141		535.352.440.620	518.206.692.341
Tài sản ngắn hạn khác	150		19.213.899.594	13.650.871.840
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	505.323.606	659.418.215
Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.705.807.937	12.986.066.777
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	2.768.051	5.386.848

Mẫu số B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		617.004.917.042	558.405.222.070
Tài sản cố định	220		140.228.276.048	156.622.695.448
Tài sản cố định hữu hình	221	14	116.542.878.107	155.900.972.977
- Nguyên giá	222		406.063.174.924	444.425.393.215
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(289.520.296.817)	(288.524.420.238)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	17	23.059.940.790	-
- Nguyên giá	225		25.094.972.122	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.035.031.332)	-
Tài sản cố định vô hình	227	15	625.457.151	721.722.471
- Nguyên giá	228		1.925.306.375	2.285.306.375
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.299.849.224)	(1.563.583.904)
Bất động sản đầu tư	230	16	20.364.822.978	21.219.091.950
- Nguyên giá	231		182.029.739.036	140.048.094.171
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(161.664.916.058)	(118.829.002.221)
Tài sản dở dang dài hạn	240		52.314.349.051	49.394.788.548
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	52.314.349.051	49.394.788.548
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	350.274.883.922	295.164.611.597
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.3	350.274.883.922	295.164.611.597
Tài sản dài hạn khác	260		53.822.585.043	36.004.034.527
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	10.704.286.884	8.182.042.604
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		43.118.298.159	27.821.991.923
TỔNG TÀI SẢN	270		2.603.845.823.236	2.503.792.256.902

Mẫu số B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.646.524.530.902	1.585.541.464.673
Nợ ngắn hạn	310		1.613.250.512.659	1.472.931.616.830
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	85.103.552.631	56.876.908.979
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	15.920.996.146	70.487.248.560
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	51.516.295.461	36.110.748.234
Phải trả người lao động	314		4.342.072.976	5.552.147.949
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	816.811.855	2.984.292.624
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	23	3.273.801.280	3.186.433.493
Phải trả ngắn hạn khác	319	24	469.276.668.450	472.919.610.394
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	980.272.428.276	822.086.341.013
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.727.885.584	2.727.885.584
Nợ dài hạn	330		33.274.018.243	112.609.847.843
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	2.921.498.672	3.258.594.668
Phải trả dài hạn khác	337	23	16.801.406.921	8.982.902.513
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	13.551.112.650	70.533.179.796
Trái phiếu chuyển đổi	339	25	-	29.835.170.866
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		957.321.292.334	918.250.792.229
Vốn chủ sở hữu	410	26	957.321.292.334	918.250.792.229
Vốn góp của chủ sở hữu	411		763.947.270.000	583.947.270.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		763.947.270.000	583.947.270.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		63.554.698.331	62.638.303.935
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	25	-	1.076.949.952
Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.294.024.276	2.294.024.276
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.410.274.952	10.410.274.952
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65.987.517.055	77.998.095.991
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		15.926.191.072	19.570.578.287
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		50.061.325.983	58.427.517.704
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		51.127.507.720	179.885.873.123
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.603.845.823.236	2.503.792.256.902

Thái Bình, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Thị Dung

Trần Minh Hà

Lê Xuân Chiến

Mẫu số B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	1.628.994.904.330	1.641.849.464.703
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	33.707.505	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.628.961.196.825	1.641.849.464.703
Giá vốn hàng bán	11	30	1.495.364.872.107	1.455.825.774.548
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		133.596.324.718	186.023.690.155
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	30.895.531.562	46.794.809.826
Chi phí tài chính	22	32	51.744.306.480	87.044.325.327
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		42.299.443.904	59.589.188.333
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(8.690.255.675)	(7.434.255.244)
Chi phí bán hàng	25	33	11.504.161.264	13.263.117.610
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	36.213.482.643	36.537.439.750
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56.339.650.218	88.539.362.050
Thu nhập khác	31	34	10.394.030.967	3.544.138.198
Chi phí khác	32	35	3.209.808.127	5.624.562.505
Lợi nhuận khác	40		7.184.222.840	(2.080.424.307)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		63.523.873.058	86.458.937.743
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	6.546.358.671	11.256.574.395
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	1.851.731.726	212.319.830
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		55.125.782.661	74.990.043.518
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		50.061.325.983	58.427.517.704
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.064.456.678	16.562.525.814
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	667	1.120
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	40	667	870

Thái Bình, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thị Dung

Trần Minh Hà

Lê Xuân Chiến

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B03-DN/HN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		63.523.873.058	86.458.937.743
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		79.083.596.981	74.278.057.184
Các khoản dự phòng	03		2.632.203.608	4.015.002.127
(Lãi)/ Lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(369.411.913)	2.005.247.650
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(29.493.918.382)	(27.166.693.194)
Chi phí lãi vay	06		42.299.443.904	59.589.188.333
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		157.675.787.256	199.179.739.843
Giảm/ (Tăng) các khoản phải thu	09		123.787.067.033	(97.860.059.114)
(Tăng) hàng tồn kho	10		(17.145.748.279)	(69.024.934.358)
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(37.480.161.789)	(40.845.787.959)
(Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12		(2.404.378.787)	1.804.931.384
(Tăng) chứng khoán kinh doanh	13		(5.000.000.000)	(15.000.000.000)
Tiền lãi vay đã trả	14		(43.421.049.009)	(60.459.083.477)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(15.326.961.426)	(15.772.395.752)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		160.684.554.999	(97.977.589.433)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các	21		(75.751.065.973)	(88.290.998.072)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		21.029.440.861	3.262.370.371
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(225.889.238.936)	(151.699.383.407)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		225.988.593.021	196.894.264.657
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(180.000.000.000)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.811.276.279	21.979.399.499
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(202.810.994.748)	(17.854.346.952)

Mẫu số B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		150.000.000.000	125.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		2.187.782.849.693	2.047.881.836.672
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.082.217.931.405)	(1.944.677.076.069)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(4.267.778.407)	(7.816.735.480)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(89.544.727.000)	(7.175.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		161.752.412.881	213.213.025.123
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		119.625.973.132	97.381.088.738
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	152.045.243.846	54.664.554.175
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		320.882.825	(399.067)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	271.992.099.803	152.045.243.846

Thái Bình, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thị Dung

Trần Minh Hà



Lê Xuân Chiến

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B09-DN/HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần DamSan, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 10 tháng 06 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Vốn điều lệ của công ty theo đăng ký số tiền là: 763.947.270.000 đồng. Vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 763.947.270.000 đồng; tương đương 76.394.727 cổ phần, hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: ADS.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 411 người (tại ngày 31/12/2023 là 470 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất sợi, vải dệt thô, hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân loại vào đâu, chi tiết: Bán buôn sợi dệt, bông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ, sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục).

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

Công ty con:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sợi Eiffel (*)	Thái Bình	85,00%	85,00%	Dệt sợi

(*) Trong năm, Công ty đã thực hiện giao dịch mua thành công 11.500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sợi Eiffel. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty Cổ phần Sợi Eiffel tăng từ 46,67% lên 85,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)****Công ty liên doanh, liên kết:**

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần - Viện nghiên cứu Dệt May	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất sợi, nghiên cứu phát triển ngành dệt may
Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng xanh AD	Thái Bình	43,12%	43,12%	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn	Thái Bình	45,00%	45,00%	Xây dựng cầu, đường bộ
Công ty Cổ phần Đầu tư An Ninh Thái Bình	Thái Bình	47,27%	47,27%	Sản xuất sợi, nghiên cứu phát triển ngành dệt may

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 5.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các công ty con sẽ được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và các công ty con cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm 2024 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm 2023.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.4 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ (TIẾP)**

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)*****Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

3.7 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.8 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 7 năm.

3.11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất quy định trên hợp đồng trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Phần cơ sở hạ tầng tại Dự án Khu công nghiệp An Ninh huyện Tiền Hải được Công ty ghi nhận doanh thu một lần thì Công ty thực hiện trích khấu hao một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

3.14 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí khác

Được phân bổ căn cứ thời gian trả trước và thời gian mang lại hiệu quả kinh tế trong tương lai.

3.15 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

3.16 VAY VÀ NỢ PHẢI TRẢ THUÊ TÀI CHÍNH.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.17 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)**

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả trong kỳ, gồm: Lãi trái phiếu phải trả và chi phí lãi vay ngân hàng;
- Các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3.19 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3.20 GHI NHẬN DOANH THU**Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.20 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)**

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.20 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)**

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;

Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng

Công ty áp dụng quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp để ghi nhận doanh thu từ tiền cho thuê tài sản. Theo đó, đối với trường hợp thời gian cho thuê chiếm hơn 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Đồng thời, Công ty thực hiện trích khấu hao của bất động sản đầu tư một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

3.22 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.23 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Dự án nhà ở xã hội cho các hộ dân có thu nhập thấp theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao chịu thuế suất thuế GTGT 5%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.23 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.24 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.25 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm 2024 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	529.270.171	493.141.908
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	190.962.829.632	151.467.101.938
- Các khoản tương đương tiền (*)	80.500.000.000	85.000.000
Cộng	271.992.099.803	152.045.243.846

(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 80,5 tỷ VND được gửi tại các Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình và Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội - Chi nhánh Thái Bình với lãi suất từ 3,5%/năm đến 4%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**5.1 CHỨNG KHOÁN KINH DOANH**

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị trái phiếu	70.000.000.000	70.000.000.000	-	65.000.000.000	65.000.000.000	-
+ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
+ Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô (*)	70.000.000.000	70.000.000.000	-	60.000.000.000	60.000.000.000	-
Cộng	70.000.000.000	70.000.000.000	-	65.000.000.000	65.000.000.000	-

Các khoản đầu tư trái phiếu nắm giữ với mục đích kinh doanh bao gồm:

(*) Trái phiếu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - CN Tây Đô phát hành:

- Số lượng trái phiếu: 200.000 trái phiếu; Mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, ngày phát hành 24/12/2020, kỳ hạn trái phiếu: 07 năm. Lãi suất 6,25%/năm;
- Số lượng trái phiếu: 5.000 trái phiếu; Mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu, ngày phát hành 31/12/2021, kỳ hạn trái phiếu: 10 năm. Lãi suất 5,95%/năm;
- Số lượng trái phiếu: 200.000 trái phiếu; Mệnh giá 100.000 đồng/ trái phiếu, ngày phát hành 29/12/2022, kỳ hạn trái phiếu, 08 năm. Lãi trả 01 năm/lần với lãi suất 6,55%/năm
- Số lượng trái phiếu: 150.000 trái phiếu; Mệnh giá 100.000 đồng/ trái phiếu, ngày phát hành 05/12/2023, kỳ hạn trái phiếu, 08 năm. Lãi trả 01 năm/lần với lãi suất 7,23%/năm
- Số lượng trái phiếu: 100.000 trái phiếu; Mệnh giá 100.000 đồng/ trái phiếu, ngày phát hành 14/08/2024, kỳ hạn trái phiếu, 10 năm. Lãi trả 01 năm/lần với lãi suất = lãi suất tham chiếu + biên độ (2%).

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)****5.2 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	306.743.332.996	306.743.332.996	315.450.450.157	315.450.450.157
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Thái Bình	38.536.974.465	38.536.974.465	31.490.000.000	31.490.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	-	13.400.000.000	13.400.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Tây Đô Hà Nội	84.521.819.400	84.521.819.400	22.256.864.100	22.256.864.100
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Thái Bình	8.891.680.139	8.891.680.139	27.971.015.418	27.971.015.418
- Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Thái Bình	1.692.999.000	1.692.999.000	12.460.129.648	12.460.129.648
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình	56.944.947.680	56.944.947.680	88.510.876.536	88.510.876.536
- Ngân hàng TMCP Bắc Á- CN Thái Bình	-	-	24.568.095.891	24.568.095.891
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Hòa Bình	9.000.000.000	9.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng TNHH INDOVINA	30.854.912.312	30.854.912.312	28.493.468.564	28.493.468.564
- Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
- Ngân hàng SinoPac - Thành phố Hồ Chí Minh	20.300.000.000	20.300.000.000	17.300.000.000	17.300.000.000
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Đồng Đa	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
Cộng	306.743.332.996	306.743.332.996	315.450.450.157	315.450.450.157

(*) Các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các Ngân hàng Thương mại có kỳ hạn gốc dưới 12 tháng với lãi suất từ 2,7% /năm đến 8%/năm.

Tổng giá trị các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các Ngân hàng Thương mại dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2024 số tiền là 306.743.332.996 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 315.450.450.157 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.3 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Giá trị đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	366.681.742.000	350.274.883.922	301.681.742.000	295.164.611.597
+ Công ty Cổ phần - Viện nghiên cứu Dệt may	31.575.000.000	34.487.471.698	31.575.000.000	33.946.315.097
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn	182.506.742.000	182.282.742.311	182.506.742.000	182.401.214.975
+ Công ty Cổ phần Đầu tư An Ninh Thái Bình	78.000.000.000	67.203.283.434	48.000.000.000	40.942.097.795
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng Xanh AD	74.600.000.000	66.301.386.479	39.600.000.000	37.874.983.730
Cộng	366.681.742.000	350.274.883.922	301.681.742.000	295.164.611.597

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ biểu quyết %	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần - Viện nghiên cứu Dệt May	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất sợi, nghiên cứu phát triển công nghệ ngành dệt may
Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng Xanh AD	Thái Bình	43,12%	43,12%	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn	Thái Bình	45,00%	45,00%	Xây dựng cầu, đường bộ
Công ty Cổ phần Đầu tư An Ninh Thái Bình	Thái Bình	47,27%	47,27%	Sản xuất sợi

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ xem chi tiết tại Thuyết minh số 42.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	276.999.354.125	(12.617.047.260)	210.680.340.524	(12.617.047.260)
<i>Phải thu khách hàng nước ngoài</i>	<i>33.657.975.508</i>	<i>(332.712.264)</i>	<i>27.804.047.163</i>	<i>(332.712.264)</i>
- Xiamen ITG Group Corp., Ltd	17.154.996.074	-	-	-
- Weihai Textile Group Import and Export Co., Ltd	8.411.268.640	-	-	-
- Sumisho Montlanc Co.,ltd	2.475.924.031	-	-	-
- Kajun Co.,Ltd	701.640.041	-	1.655.088.814	-
- Anhui Huamao Im&Ex Co.ltd	-	-	20.819.353.883	-
- Ya Mai Chi Co.,Ltd	1.615.390.627	-	768.066.242	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.298.756.095	(332.712.264)	4.561.538.224	(332.712.264)
<i>Phải thu khách hàng trong nước</i>	<i>155.700.065.362</i>	<i>(12.284.334.996)</i>	<i>93.404.528.593</i>	<i>(12.284.334.996)</i>
- Công ty Cổ phần Năng lượng xanh ADE	31.712.371.326	-	6.261.874.645	-
- Công ty TNHH Elite Solar Wafer (VIETNAM)	26.983.504.996	-	-	-
- Công ty TNHH Quốc tế Minh Huy	23.749.600.000	-	-	-
- Công ty TNHH Dược phẩm TH Comet	17.611.156.119	-	-	-
- Công ty TNHH Xây Dựng Đức Dũng Thái Bình	6.386.296.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần xây dựng GM	-	-	8.708.661.963	-
- Công ty TNHH Xây lắp và Thương mại Thái Bình	1.314.364.733	-	743.217.852	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư ADP	-	-	28.761.334.766	-
- Công ty TNHH Nhôm Tengrong Việt Nam	-	-	11.111.690.012	-
- Công ty Cổ phần Dệt May Đông Phong	14.142.844.637	-	3.865.149.100	-
- Công ty TNHH KMTT	8.096.362.366	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	25.703.565.185	(12.284.334.996)	33.952.600.255	(12.284.334.996)
<i>Phải thu khách hàng mua bất động sản</i>	<i>87.641.313.255</i>	<i>-</i>	<i>89.471.764.768</i>	<i>-</i>
- Ủy ban Nhân dân Thành phố Thái Bình	29.328.206.428	-	29.328.206.428	-
- Khách hàng khác	58.313.106.827	-	60.143.558.340	-
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Cộng	276.999.354.125	(12.617.047.260)	210.680.340.524	(12.617.047.260)
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan -	46.044.466.352	-	38.888.358.511	-

(Thuyết minh chi tiết số 42)



CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	272.810.349.256	(10.641.878.663)	316.058.943.385	(10.641.878.663)
- Công ty TNHH Golf Long Hưng	43.605.265.458	-	103.571.253.617	-
- Công ty TNHH Xây dựng Đức Dũng Thái Bình	97.429.858.216	-	101.515.236.149	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư ADP	21.632.924.683	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng Xanh AD	81.228.773.812	-	74.929.247.301	-
- Các đối tượng khác	28.913.527.087	(10.641.878.663)	36.043.206.318	(10.641.878.663)
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	272.810.349.256	(10.641.878.663)	316.058.943.385	(10.641.878.663)
Trả trước cho người bán là các bên liên quan -	151.645.837.348	-	187.037.552.440	-

(Chi tiết nội dung của các khoản trả trước này theo thuyết minh số 42)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	92.950.103.588	(90.000.000)	84.342.340.512	(90.000.000)
- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình (1)	87.224.457.588	-	64.136.694.512	-
+ Dự án Quang Trung	63.385.498.856	-	31.867.851.711	-
+ Dự án Phú Xuân	23.838.958.732	-	23.861.472.569	-
+ Dự án Bồ Xuyên	-	-	6.630.104.504	-
+ Dự án Lê Hồng Phong	-	-	1.777.265.728	-
- Bà Vũ Phương Diệp	-	-	11.000.000.000	-
- Các khoản cho vay ngắn hạn khác	5.725.646.000	(90.000.000)	9.205.646.000	(90.000.000)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	92.950.103.588	(90.000.000)	84.342.340.512	(90.000.000)
Phải thu về cho vay là các bên liên quan -	90.000.000	(90.000.000)	11.090.000.000	(90.000.000)

(Thuyết minh chi tiết số 42)

(1) Khoản tiền Công ty ứng cho Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố Thái Bình theo văn bản thỏa thuận về việc ứng tiền để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng công trình khu nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại khu nhà 5 tầng tổ 39, 40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình và các dự án đối ứng Khu dân cư Tổ 39-40 Phường Quang Trung, Khu đô thị Phú xuân, Khu dân cư tại Phường Bồ xuyên Thành phố Thái Bình với lãi suất 10,4%/năm. Đối với khoản tiền này Công ty đã được Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán giai đoạn 01 và phát hành Báo cáo kiểm toán số 99/KTNN-TH ngày 31/01/2018, Kiểm toán đã xác định lãi vay đến ngày 31/10/2017, Công ty đã thực hiện ghi nhận lãi dự thu tính tới ngày 31/10/2017 (thuyết minh số 9).

Đến thời điểm 31/10/2017, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã thực hiện giao đất các dự án đối ứng Phú Xuân và Quang Trung đến 80% và phần lãi còn lại sẽ được quyết toán khi nhà nước giao đất tiếp, do đó, Công ty không thực hiện ước tính lãi dự thu từ 31/10/2017 đến nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***9. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	166.836.265.743	(12.810.000)	293.376.888.150	(75.810.000)
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.733.399.706	-	13.152.533.935	-
- Tạm ứng	36.177.225.756	-	46.189.975.856	-
- Ký cược, ký quỹ	2.833.578.349	-	2.701.260.290	-
- BQL, các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình	1.041.196.000	-	1.041.196.000	-
- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình (1)	7.071.411.542	-	7.071.411.542	-
- UBND tỉnh Thái Bình (2)	4.061.960.841	-	4.061.960.841	-
- Sở Tài chính tỉnh Thái Bình (3)	76.922.296.289	-	76.583.390.018	-
- Công ty Cổ phần Lam Sơn	1.481.456.528	-	9.894.830.528	-
- Bà Đặng Thị Vân	-	-	41.500.000.000	-
- Bà Hoàng Kim Thu (4)	12.500.000.000	-	32.000.000.000	-
- Nhóm đối tác do Bà Trần Thị Bích Hạnh làm đại diện	-	-	11.999.152.778	-
- Nhóm đối tác do Bà Hoàng Kim Thu làm đại diện	-	-	22.800.000.000	-
- Phải thu khác	19.013.740.732	(12.810.000)	24.381.176.362	(75.810.000)
Cộng	166.836.265.743	(12.810.000)	293.376.888.150	(75.810.000)
Phải thu khác là các bên liên quan -	4.179.432.108	-	19.507.702.287	-

(Thuyết minh chi tiết số 42)

(1) Lãi dự thu Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Thái Bình từ tiền ứng trước giải phóng mặt bằng khu nhà ở xã hội Quang Trung.

(2) Lãi dự thu Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình từ tiền ứng trước giải phóng mặt bằng và thi công khu nhà ở xã hội Quang Trung, khu dân cư Phú Xuân, khu dân cư Bồ Xuyên và khu dân cư Quang Trung.

(3) Tiền thu hộ theo QĐ số 4581/UBND-KT ngày 24/11/2017 về việc nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc mở bán và cho thuê căn hộ tại dự án Khu nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tổ 39, 40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

(4) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01.2023/EIFFEL-NTT ngày 01/05/2023 và hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02.2023/EIFFEL HKT ngày 01/08/2023 thời gian hợp tác 1 năm, tài sản đảm bảo cho khoản hợp tác là cổ phần sở hữu tại một số công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. NỢ XẤU

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	28.162.655.502	2.105.715.971	(26.056.939.531)	30.042.996.740	6.618.260.817	(23.424.735.923)
- Ghulam Rabbani and Co	833.194.874	-	(833.194.874)	833.194.874	-	(833.194.874)
- Sofeene enterprises	761.021.813	-	(761.021.813)	761.021.813	-	(761.021.813)
- LGW Limited	545.706.638	-	(545.706.638)	545.706.638	-	(545.706.638)
- Saurashatra cotton & Agro Products	405.703.253	-	(405.703.253)	405.703.253	-	(405.703.253)
- Đối tượng khác	25.617.028.924	2.105.715.971	(23.511.312.953)	27.497.370.162	6.618.260.817	(20.879.109.345)
Cộng	28.162.655.502	2.105.715.971	(26.056.939.531)	30.042.996.740	6.618.260.817	(23.424.735.923)

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	6.860.832.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	34.472.643.263	-	17.581.855.588	-
Công cụ, dụng cụ	8.627.808.735	-	9.093.897.543	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	375.937.953.924	-	437.490.004.059	-
Thành phẩm	23.165.416.516	-	39.211.624.891	-
Hàng hóa	86.287.786.182	-	14.829.310.260	-
Cộng	535.352.440.620	-	518.206.692.341	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***11. HÀNG TỒN KHO (TIẾP)***(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:*

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hạ tầng dự án phát triển nhà ở khu dân cư tổ 39, 40 phường Quang Trung, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình	2.822.819.565	-	2.822.819.565	-
- Dự án nhà ở xã hội Quang Trung, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình.	29.776.977.522	-	29.671.217.522	-
- Hạ tầng dự án phát triển nhà ở khu dân cư xã Phú Xuân, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình	115.414.301.228	-	112.456.956.040	-
- Dự án nhà ở thương mại Bồ Xuyên	73.340.513.385	-	70.306.718.214	-
- Dự án phát triển nhà ở khu dân cư xã Phú Xuân, TP Thái Bình	23.040.034.104	-	29.699.293.527	-
- Dự án nhà ở thương mại Quang Trung	9.341.356.312	-	19.521.334.738	-
- Hạ tầng dự án phát triển nhà ở khu dân cư phường Bồ Xuyên, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình	1.714.940.183	-	10.584.246.526	-
- Dự án VP Thành phố Hồ Chí Minh	16.201.276.540	-	16.201.276.540	-
- Chi phí tư vấn giám sát thi công nhà dệt may khăn ADP	140.125.447	-	-	-
- Cụm CN An Ninh - Tiền Hải	76.647.298.282	-	131.990.530.621	-
- Chi phí thực hiện các dự án khác	18.203.643.012	-	2.059.105.836	-
- Sản phẩm dở dang	9.294.668.344	-	12.176.504.930	-
Cộng	375.937.953.924	-	437.490.004.059	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
Phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	52.314.349.051	49.394.788.548
- Mua sắm	-	25.094.561.485
- Xây dựng cơ bản (*)	52.314.349.051	24.300.227.063
Cộng	52.314.349.051	49.394.788.548

(*) Trong đó, chi phí thực hiện dự án xây dựng nhà xưởng cho thuê với số tiền: 41.916.171.208 đồng tại Cụm công nghiệp An Ninh, xã An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình theo giấy chứng nhận đầu tư số 336430272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 12/05/2022.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	505.323.606	659.418.215
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	103.109.156	202.194.120
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	402.214.450	457.224.095
Dài hạn	10.704.286.884	8.182.042.604
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	8.308.333.353	6.182.237.466
- Chi phí trả trước dài hạn khác	2.395.953.531	1.999.805.138
Cộng	11.209.610.490	8.841.460.819

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2024	127.136.880.548	294.305.346.327	22.322.540.484	660.625.856	-	444.425.393.215
- Mua trong năm	-	2.618.288.560	-	-	3.048.446.090	5.666.734.650
- Thanh lý, nhượng bán	-	(42.018.821.123)	(2.010.131.818)	-	-	(44.028.952.941)
31/12/2024	127.136.880.548	254.904.813.764	20.312.408.666	660.625.856	3.048.446.090	406.063.174.924
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2024	(69.241.488.597)	(211.142.722.280)	(7.539.079.706)	(601.129.655)	-	(288.524.420.238)
- Khấu hao trong năm	(6.811.573.824)	(25.155.403.692)	(2.095.885.138)	(21.951.048)	(31.572.790)	(34.116.386.492)
- Thanh lý, nhượng bán	-	32.674.174.205	446.335.708	-	-	33.120.509.913
- Tăng giảm do phân loại lại	-	637.120	-	(637.120)	-	-
31/12/2024	(76.053.062.421)	(203.623.314.647)	(9.188.629.136)	(623.717.823)	(31.572.790)	(289.520.296.817)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2024	57.895.391.951	83.162.624.047	14.783.460.778	59.496.201	-	155.900.972.977
31/12/2024	51.083.818.127	51.281.499.117	11.123.779.530	36.908.033	3.016.873.300	116.542.878.107

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2024 số tiền là 103.905.653.978 đồng (tại ngày 01/01/2024 số tiền là 146.202.556.280 đồng).
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 số tiền là 12.341.892.086 đồng (tại ngày 01/01/2024 số tiền là 36.701.831.086 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2024	1.925.306.375	360.000.000	2.285.306.375
- Thanh lý, nhượng bán	-	(360.000.000)	(360.000.000)
31/12/2024	1.925.306.375	-	1.925.306.375
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2024	(1.203.583.904)	(360.000.000)	(1.563.583.904)
- Khấu hao trong năm	(96.265.320)	-	(96.265.320)
- Thanh lý, nhượng bán	-	360.000.000	360.000.000
31/12/2024	(1.299.849.224)	-	(1.299.849.224)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2024	721.722.471	-	721.722.471
31/12/2024	625.457.151	-	625.457.151

- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2024 số tiền là 625.457.151 đồng (tại ngày 01/01/2024 số tiền là: 721.722.471 đồng).
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng số tiền tại ngày 31/12/2023 là 360.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2023 số tiền là: 360.000.000 đồng).

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà xưởng cho thuê <u>VND</u>	Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp (*) <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2024	21.356.724.173	118.691.369.998	140.048.094.171
- Tăng trong năm	-	41.981.644.865	41.981.644.865
31/12/2024	21.356.724.173	160.673.014.863	182.029.739.036
HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2024	(137.632.223)	(118.691.369.998)	(118.829.002.221)
- Khấu hao trong năm	(854.268.972)	(41.981.644.865)	(42.835.913.837)
31/12/2024	(991.901.195)	(160.673.014.863)	(161.664.916.058)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2024	21.219.091.950	-	21.219.091.950
31/12/2024	20.364.822.978	-	20.364.822.978

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)

(*) Bất động sản đầu tư được ghi nhận tăng trong năm tương ứng với phần diện tích đã đủ điều kiện ghi nhận doanh thu cho thuê trong năm đối với dự án Cụm Công nghiệp An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Phần cơ sở hạ tầng tại dự án khu công nghiệp mà Công ty ghi nhận doanh thu một lần được Công ty thực hiện trích khấu hao một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2024 cần được trình bày. Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty chưa đánh giá lại giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

17. TÀI SẢN THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	-	-
- Thuê tài chính trong năm	25.094.972.122	25.094.972.122
31/12/2024	<u>25.094.972.122</u>	<u>25.094.972.122</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2024	-	-
- Khấu hao trong năm	(2.035.031.332)	(2.035.031.332)
31/12/2024	<u>(2.035.031.332)</u>	<u>(2.035.031.332)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	-	-
31/12/2024	<u>23.059.940.790</u>	<u>23.059.940.790</u>

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	15.920.996.146	70.487.248.560
- Panca Sakti International PTE ltd	4.746.656.250	4.746.656.250
- Công ty TNHH Thương mại Jun và Rak	-	507.469.214
- Khách hàng mua bất động sản	8.570.009.287	23.157.217.066
- Các đối tượng khác	2.604.330.609	42.075.906.030
Dài hạn	-	-
Cộng	<u>15.920.996.146</u>	<u>70.487.248.560</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	85.103.552.631	85.103.552.631	56.876.908.979	56.876.908.979
<i>Phải trả cho hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	81.548.448.569	81.548.448.569	42.348.312.940	42.348.312.940
- Nhà cung cấp trong nước	78.743.436.905	78.743.436.905	39.663.588.374	39.663.588.374
+ Công ty Cổ phần Đầu tư An Ninh Thái Bình	37.244.536.296	37.244.536.296	-	-
+ Công ty TNHH Dệt may Minh Thành Hà Nội	5.594.673.302	5.594.673.302	7.423.600.324	7.423.600.324
+ Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hà Việt	-	-	1.370.570.128	1.370.570.128
+ Công ty TNHH Xuất nhập khẩu API	7.480.124.280	7.480.124.280	-	-
+ Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong	-	-	1.700.868.472	1.700.868.472
+ Công ty Cổ phần SHP	-	-	71.260.521	71.260.521
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghiệp Bê tông Hải Nam	612.482.014	612.482.014	963.647.014	963.647.014
+ Công ty TNHH Xây lắp và Thương mại Thái Bình	2.306.357.399	2.306.357.399	4.074.331.754	4.074.331.754
+ Phải trả người bán khác	25.505.263.614	25.505.263.614	24.059.310.161	24.059.310.161
- Nhà cung cấp nước ngoài	2.805.011.664	2.805.011.664	2.684.724.566	2.684.724.566
+ Ambica Cot Seeds Limited	106.956.486	106.956.486	99.333.780	99.333.780
+ Uday cotton industries	159.797.743	159.797.743	148.909.407	148.909.407
+ Textile enterprises limited	1.081.520.428	1.081.520.428	1.081.938.220	1.081.938.220
+ M/S Nakoda Enterprises	8.941.572	8.941.572	8.304.314	8.304.314
+ Saurer Technologies GMBH & CO. KG Elastomer Components	3.321.630	3.321.630	3.084.900	3.084.900
+ Phải trả người bán khác	1.444.473.805	1.444.473.805	1.343.153.945	1.343.153.945
<i>Phải trả cho nhà thầu xây lắp</i>	3.555.104.062	3.555.104.062	14.528.596.039	14.528.596.039
- Công ty Cổ phần Xây dựng GM	3.555.104.062	3.555.104.062	14.528.596.039	14.528.596.039
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	85.103.552.631	85.103.552.631	56.876.908.979	56.876.908.979
Phải trả người bán là các bên liên quan	44.724.660.576	44.724.660.576	1.700.868.472	1.700.868.472
<i>(Thuyết minh chi tiết số 42)</i>				

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.440.545.083	28.526.992.146	21.465.898.356	8.501.638.873
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	188.999.336	188.999.336	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.616.641.132	23.694.396.633	15.326.961.426	42.984.076.339
- Thuế thu nhập cá nhân	53.562.019	3.980.807.475	4.003.789.245	30.580.249
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	232.089.819	232.089.819	-
- Các loại thuế khác	-	14.153.834	14.153.834	-
Cộng	36.110.748.234	56.637.439.243	41.231.892.016	51.516.295.461
	01/01/2024	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế xuất, nhập khẩu	2.768.052	122.999.072	122.999.073	2.768.051
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.618.796	733.540.489	736.159.285	-
Cộng	5.386.848	856.539.561	859.158.358	2.768.051

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	980.272.428.276	980.272.428.276	2.187.786.487.015	2.033.955.951.989	822.086.341.013	822.086.341.013
Vay ngắn hạn	974.156.876.039	974.156.876.039	2.186.466.487.015	2.005.415.949.375	793.106.338.399	793.106.338.399
Vay ngắn hạn bằng VND	963.169.946.039	963.169.946.039	2.041.001.324.645	1.630.135.631.905	552.304.253.299	552.304.253.299
+ Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô (1)	268.700.000.000	268.700.000.000	503.100.000.000	402.750.000.000	168.350.000.000	168.350.000.000
+ Ngân hàng TNHH INDOVINA (2)	43.600.000.000	43.600.000.000	77.600.000.000	34.000.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Thái Bình	-	-	51.450.000.000	51.450.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hòa Bình (3)	10.000.000.000	10.000.000.000	20.000.000.000	10.000.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (4)	340.051.174.432	340.051.174.432	751.882.071.117	640.747.296.750	228.916.400.065	228.916.400.065
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (5)	175.447.642.776	175.447.642.776	352.773.103.992	198.525.461.216	21.200.000.000	21.200.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình	-	-	-	8.884.220.331	8.884.220.331	8.884.220.331
+ Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Thái Bình	-	-	52.000.000.000	52.000.000.000	-	-
+ Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc tế tại Thái Bình	-	-	26.000.000.000	39.984.730.212	13.984.730.212	13.984.730.212
+ Ngân hàng SinoPac - Thành phố HCM (6)	62.635.347.278	62.635.347.278	108.135.347.278	112.500.000.000	67.000.000.000	67.000.000.000
+ Ngân hàng Thương mại TNHH Một Thành Viên Đại Dương (7)	27.300.000.000	27.300.000.000	62.625.020.705	79.293.923.396	43.968.902.691	43.968.902.691
+ Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam (8)	9.500.000.000	9.500.000.000	9.500.000.000	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (9)	25.935.781.553	25.935.781.553	25.935.781.553	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Nội dung	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay ngắn hạn bằng USD	10.986.930.000	10.986.930.000	145.465.162.370	375.280.317.470	240.802.085.100	240.802.085.100
+ Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô (1)	10.986.930.000	10.986.930.000	128.852.109.000	146.167.959.000	28.302.780.000	28.302.780.000
+ Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Thái Bình	-	-	687.640.000	38.587.480.000	37.899.840.000	37.899.840.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	-	-	10.856.997.502	77.218.267.602	66.361.270.100	66.361.270.100
+ Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Thái Bình	-	-	747.220.868	43.515.395.868	42.768.175.000	42.768.175.000
+ Ngân hàng TNHH Indovina	-	-	2.451.125.000	24.673.325.000	22.222.200.000	22.222.200.000
+ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	-	-	1.627.080.000	39.136.200.000	37.509.120.000	37.509.120.000
+ Ngân hàng Thương Mại TNHH Một Thành Viên Đại Dương	-	-	242.990.000	5.981.690.000	5.738.700.000	5.738.700.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	6.115.552.237	6.115.552.237	1.320.000.000	28.540.002.614	28.980.002.614	28.980.002.614
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả bằng VND	6.115.552.237	6.115.552.237	1.320.000.000	7.153.750.000	7.593.750.000	7.593.750.000
+ Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế (8)	4.355.552.237	4.355.552.237	4.355.552.237	-	-	-
+ Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô	-	-	-	5.393.750.000	5.393.750.000	5.393.750.000
+ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam (10)	1.760.000.000	1.760.000.000	1.320.000.000	1.760.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả bằng USD	-	-	-	21.386.252.614	21.386.252.614	21.386.252.614
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	-	-	-	21.386.252.614	21.386.252.614	21.386.252.614

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Nội dung	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay dài hạn	13.551.112.650	13.551.112.650	756.923.364	57.738.990.510	70.533.179.796	70.533.179.796
+ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam (10)	4.840.000.000	4.840.000.000	-	2.640.000.000	7.480.000.000	7.480.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Đô	-	-	-	7.428.333.333	7.428.333.333	7.428.333.333
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	-	-	-	1.416.666.667	1.416.666.667	1.416.666.667
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	-	-	-	37.630.659.866	37.630.659.866	37.630.659.866
+ Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế (11,12)	8.711.112.650	8.711.112.650	756.923.364	8.623.330.644	16.577.519.930	16.577.519.930
Cộng	993.823.540.926	993.823.540.926	2.188.543.410.379	2.129.325.602.365	892.619.520.809	892.619.520.809

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Đô theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1462-LAV-202401308 ngày 20 tháng 12 năm 2024 với các điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 300.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất từng thời kỳ;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án sản xuất kinh doanh niên độ 2024 - 2025 các mặt hàng sợi cọc, khăn bông cao cấp, khăn tay bông thủ công, bông, sợi cọc gia công;
 - Thời hạn hợp đồng: Tối đa 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn (Tiếp):

- Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản được nêu trong hợp đồng tín dụng số 1462-LAV-202401308 ngày 20 tháng 12 năm 2024:
- Giá trị toàn bộ phần Hạ tầng kỹ thuật nhà máy Damsan II và các công trình xây dựng trên các thửa đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 440/HĐTC ký ngày 25/9/2012 và Văn bản sửa đổi bổ sung ngày 31/10/2022 giữa Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Đô và Công ty Cổ phần Damsan.
- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu giữa Công ty Cổ phần Damsan và Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Đô với tổng giá trị 70.000.000.000 đồng được nêu trong Hợp đồng tín dụng số 1462-LAV-202301019 ngày 12 tháng 10 năm 2023.
- Máy móc thiết bị của Trạm xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp An Ninh theo hợp đồng thế chấp số 15122022/HĐCC-EIFFEL ký ngày 15/12/2022.
- Giá trị toàn bộ công trình xây dựng của trạm xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp An Ninh giữa Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Tây Đô và Công ty Cổ phần Sợi Eiffel theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2333 ký ngày 26/12/2022.

(2) Khoản Khoản vay Ngân hàng TNHH INDOVINA theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2026/IVB – HĐHMTD/2024 ngày 09 tháng 07 năm 2024 với các điều khoản:

- Hạn mức tín dụng: 5.000.000 USD;
 - Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể;
 - Mục đích vay: Tài trợ một phần vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở thư tín dụng, phát hành thẻ tín dụng doanh nghiệp của Bên vay;
 - Thời hạn hợp đồng: 12 tháng
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Ngân hàng cấp Hạn mức tín dụng cho Bên Vay trên cơ sở tài sản đảm bảo chấp nhận một phần:

Tài sản bảo đảm: Các khoản tiền gửi tại Chi nhánh Ngân hàng Indovina Hà Nội;

Tài sản bảo đảm bổ sung: Các khoản lợi thu được từ việc khai thác giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ cơ sở hạ tầng gắn liền với đất tại thời điểm hiện tại và hình thành trong tương lai của 03 thửa đất được cấp cho chủ sử dụng là Công ty Cổ phần Sợi EIFFEL tại địa chỉ Cụm công nghiệp An Ninh, xã An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, chi tiết như sau:

Thửa đất số 484, tờ bản đồ số 3 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS666833, số vào sổ cấp GCN: “CT 04695 do UBND tỉnh Thái Bình cấp ngày 10/03/2022;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)*****Chi tiết các khoản vay ngắn hạn (Tiếp):***

Thửa đất số 608, tờ bản đồ số 5 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ999087, số vào sổ cấp GCN: "CT"04743 do UBND tỉnh Thái Bình cấp ngày 24/10/2022;

Thửa đất số 612, tờ bản đồ số 5 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ999088, số vào sổ cấp GCN: "CT"04744 do UBND tỉnh Thái Bình cấp ngày 24/10/2022.

(3) Khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình theo Hợp đồng tín dụng số 138/24/1648374/HDCTD/DAMSAN ký ngày 28 tháng 06 năm 2024 với các điều khoản:

- Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng;
- Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông sợi;
- Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng:
 - Các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty Cổ phần Damsan tại Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Thái Bình theo danh mục tài sản bảo đảm đính kèm hợp đồng tín dụng mức số 94427.22755.1155640.TD ngày 19 tháng 12 năm 2022.
 - Hàng hóa (Bông, khăn móc,...) hình thành từ các hợp đồng kinh tế theo danh mục tài sản bảo đảm đính kèm hợp đồng tín dụng mức số 94427.22755.1155640.TD ngày 19 tháng 12 năm 2022.

(4) Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình

(a) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2024/2127123/HDTD ngày 09 tháng 07 năm 2024:

- Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng;
- Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu bộ chứng từ;
- Thời hạn hợp đồng: kể từ ngày ký hợp đồng này đến hết ngày 30/06/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)*****Chi tiết các khoản vay ngắn hạn (Tiếp):***

(b) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2024/7217771/HĐTD ngày 19/04/2024 và hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2024/7217771/HĐTD ngày 12/09/2024 với các điều khoản:

- Hạn mức tín dụng: 137.000.000.000 đồng;
- Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC, chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất;
- Thời hạn hợp đồng: đến hết ngày 12/09/2025
- Khoản vay được đảm bảo theo các Hợp đồng cầm cố/ thế chấp/ bảo lãnh/ ký quỹ.

(5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo:

(a) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT1360-DAMSAN ngày 07 tháng 06 năm 2024 với các điều khoản:

- Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng;
- Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông sợi, khăn bông các loại;
- Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản được nêu trong Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023-HĐCVHM/NHCT1360-DAMSAN ngày 16 tháng 05 năm 2023.
 - Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01/2019/HĐBĐ/NHCT360-DAMSAN ngày 23/10/2019, số 01/2020/HĐBĐ/NHCT360 ngày 11/03/2020, số 02/2022/HĐBĐ/NHCT360-DAMSAN-HDTG ngày 08/07/2022 và số 01/2023/HĐBĐ/NHCT360-DAMSAN-HDTG ngày 13/01/2023;
 - Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông vận tải số 02/2021/ HĐBĐ/NHCT360-DAMSAN ngày 30/11/2021 và số 01/2022/ HĐBĐ/NHCT360-DAMSAN ngày 25/05/2022;
 - Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 04/2021/HĐBĐ/NHCT360-QTS ngày 30/11/2021 và số 05/2021/HĐBĐ/NHCT360-QTS ngày 30/11/2021;
 - Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2021/HĐBĐ/NHCT360-DAMSAN;
 - Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 03/2021/HĐBĐ/NHCT1360-HTK ngày 30 tháng 11 năm 2021.

(b) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT360-EIFFEL, khoản vay trên được đảm bảo bằng số dư hợp đồng tiền gửi do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Thái Bình phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)*****Chi tiết các khoản vay ngắn hạn (Tiếp):***

- (6) Khoản vay Ngân hàng SinoPac – TP Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 23/004 ký ngày 20 tháng 02 năm 2023 và bản sửa đổi hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 231003-SDBS được lập ngày 25 tháng 03 năm 2024 với các điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 4.000.000 USD;
 - Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông, sợi, khăn;;
 - Thời hạn hợp đồng: Thời hạn cấp tín dụng là được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ;
 - Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty Cổ phần Damsan tại Ngân hàng Sinopac – TP Hồ Chí Minh với tổng giá trị 17.300.000.000 đồng được nêu trong hợp tín dụng số 23/004 ký ngày 20 tháng 02 năm 2023.
- (7) Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại theo Hợp đồng tín dụng số 0396/2024/HĐCV/OCEANBANK.CN THÁI BÌNH ký ngày 18 tháng 09 năm 2024 với các điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông, sợi, khăn;
 - Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- (8) Khoản vay Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2024-00345-000 được ký ngày 26 tháng 12 năm 2024 với các điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 9.500.000.000 đồng
 - Lãi suất: Lãi suất thuê là tổng hợp lãi suất cơ bản và lãi suất chỉ định.
 - Lãi suất cơ bản: 3,07%/năm
 - Lãi suất chỉ định áp dụng cho tất cả các lần Giải ngân theo Hợp đồng này là 2.93%/năm.
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động trong quá trình vận hành máy móc thiết bị hiện đang thuê tài chính tại VILC.
 - Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)***Chi tiết các khoản vay ngắn hạn (tiếp):***

(9) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình – Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng số 958/24/TD/SME/157 ký ngày 15 tháng 08 năm 2024 với các điều khoản:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
- Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông, sợi, khăn;

Chi tiết các khoản vay dài hạn:

(9) Khoản vay dài hạn Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam và Công ty Cổ phần Sợi Eiffel theo Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường số 01/21/TDĐT-QTM/EFL ký ngày 26/04/2021; Số tiền vay theo hợp đồng tín dụng là 15.470.000.000 đồng. Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2024 là 6.600.000.000 đồng. Thời hạn khoản vay là 07 năm kể từ ngày nhận nợ, mục đích khoản vay là thanh toán chi phí thực hiện Dự án Nhà máy xử lý nước thải cụm Công nghiệp An Ninh, lãi suất cho vay là 2,6%/năm.

(10) Khoản vay Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2023-00045-000 ký ngày 21 tháng 04 năm 2023 với các điều khoản:

- Hạn mức tín dụng: 165.385 USD;
- Lãi suất: Lãi suất thuê là tổng gộp lãi suất cơ bản và lãi suất chỉ định. Lãi suất cơ bản là lãi suất SOFR kỳ hạn 3 tháng: 4.89779%/năm, lãi suất chỉ định 2.44417%/năm;
- Mục đích vay: Thanh toán 2 đầu máy dệt khăn;
- Thời hạn hợp đồng: 48 tháng kể từ ngày vay;

(11) Khoản vay Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2023-00044-000 ký ngày 21 tháng 04 năm 2023 với các điều khoản:

- Hạn mức tín dụng: 955.000 USD
- Lãi suất: Lãi suất thuê là tổng gộp lãi suất cơ bản và lãi suất chỉ định. Lãi cơ bản là lãi suất SOFR kỳ hạn 3 tháng: 4.89779%/năm, lãi suất chỉ định 2.44417%/năm;
- Mục đích vay: Thanh toán dây chuyền máy dệt 10 máy jacka;
- Thời hạn hợp đồng: 48 tháng kể từ ngày vay;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	816.811.855	2.984.292.624
- Chi phí lãi vay	816.811.855	2.984.292.624
+ Lãi trái phiếu phải trả	-	1.175.318.074
+ Chi phí lãi vay ngân hàng	816.811.855	1.808.974.550
Dài hạn	-	-
Cộng	816.811.855	2.984.292.624

23. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.273.801.280	3.186.433.493
- Doanh thu cho thuê nhà xưởng	3.273.801.280	3.186.433.493
b) Dài hạn	2.921.498.672	3.258.594.668
- Doanh thu cho thuê nhà xưởng	2.921.498.672	3.258.594.668
Cộng	6.195.299.952	6.445.028.161

24. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢP KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	469.276.668.450	472.919.610.394
- Tài sản thừa chờ giải quyết	81.275.535	-
- Kinh phí công đoàn	988.345.901	892.105.151
- Bảo hiểm xã hội	16.942.552	14.856.737
- Bảo hiểm y tế	21.104.122	16.134.877
- Bảo hiểm thất nghiệp	7.084.004	6.920.416
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.257.750.000	8.007.750.000
- Phải trả tiền đất và chi phí hạ tầng dự án KĐT Phú Xuân (1)	255.375.496.620	255.375.496.620
- Phải trả tiền đất khu nhà ở liền kề khu Quang Trung (2)	19.893.999.636	37.318.547.571
- Phải trả tiền đất khu nhà ở liền kề khu Bồ Xuyên (3)	41.636.990.599	48.267.095.103
- Phí bảo trì tòa nhà	1.137.848.435	1.467.578.802
- Thu tiền ứng vốn dự án (4)	123.637.697.464	104.125.918.052
- Thu tiền hợp tác thực hiện Dự án BQT Cầu Ngàn	200.000.000	200.000.000
- Phải trả khác	22.022.133.582	17.227.207.065
Dài hạn	16.801.406.921	8.982.902.513
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	16.801.406.921	8.982.902.513
Cộng	486.078.075.371	481.902.512.907

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

24. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢP KHÁC (TIẾP)

- (1) Đây là khoản phải trả tiền đất và chi phí hạ tầng dự án KĐT Phú Xuân, Dự án khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình được chấp thuận chủ trương đầu tư dự án phát triển nhà ở theo Quyết định số 312/UBND-CTXDGT ngày 29/01/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt. Hiện tại Dự án chưa thực hiện quyết toán với UBND tỉnh Thái Bình.
- (2) Đây là khoản phải trả tiền đất khu nhà ở liền kề khu Quang Trung, Dự án khu dân cư tổ 39, 40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình được chấp thuận chủ trương đầu tư dự án phát triển nhà ở theo Quyết định số 314/UBND-CTXDGT ngày 29/01/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt. Hiện tại Dự án chưa thực hiện quyết toán với UBND tỉnh Thái Bình.
- (3) Đây là khoản phải trả tiền đất khu nhà ở liền kề khu Bò Xuyên, dự án khu dân cư phường Bò Xuyên, thành phố Thái Bình được chấp thuận theo Quyết định số 1616/UBND ngày 08/05/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình. Hiện tại Dự án chưa thực hiện quyết toán với UBND tỉnh Thái Bình.
- (4) Khoản phải trả liên quan đến tiền ứng vốn thực hiện dự án khu dân cư phường Bò Xuyên, Phú Xuân, Quang Trung.

25. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Giá trị trái phiếu chuyển đổi		
- Cơ cấu vốn chủ sở hữu	-	1.076.949.952
- Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu	-	29.835.170.866
Cộng	-	30.912.120.818

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU**26.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	437.790.340.000	60.125.420.714	5.424.054.503	2.294.024.276	10.410.274.952	99.543.713.046	41.507.142.550	657.094.970.041
- Chuyển đổi trái	70.000.000.000	2.512.883.221	(4.347.104.551)	-	-	-	-	68.165.778.670
- Tăng trong năm	-	-	-	-	-	(3.816.204.759)	128.816.204.759	125.000.000.000
- Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	58.427.517.704	16.562.525.814	74.990.043.518
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	76.156.930.000	-	-	-	-	(76.156.930.000)	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
31/12/2023	583.947.270.000	62.638.303.935	1.076.949.952	2.294.024.276	10.410.274.952	77.998.095.991	179.885.873.123	918.250.792.229
01/01/2024	583.947.270.000	62.638.303.935	1.076.949.952	2.294.024.276	10.410.274.952	77.998.095.991	179.885.873.123	918.250.792.229
- Chuyển đổi trái phiếu (*)	30.000.000.000	916.394.396	(1.076.949.952)	-	-	-	-	29.839.444.444
- Tăng trong năm (**)	150.000.000.000	-	-	-	-	-	-	150.000.000.000
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	50.061.325.983	5.064.456.678	55.125.782.661
- Thay đổi do tăng tỷ lệ lợi ích tại công ty con	-	-	-	-	-	14.322.822.081	(129.322.822.081)	(115.000.000.000)
- Phân phối lợi nhuận tại công ty mẹ (***)	-	-	-	-	-	(76.394.727.000)	-	(76.394.727.000)
- Phân phối lợi nhuận tại công ty con	-	-	-	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
31/12/2024	763.947.270.000	63.554.698.331	-	2.294.024.276	10.410.274.952	65.987.517.055	51.127.507.720	957.321.292.334

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**26.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 21052024/NQ-HĐQT, ngày 21/05/2024 Công ty đã thực hiện phát hành 3.000.000 cổ phiếu, với giá chuyển đổi 10.000 đồng/cổ phiếu, tỷ lệ chuyển đổi 1:100 để thực hiện chuyển đổi 30.000 trái phiếu chuyển đổi.

(**) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 15012024/2024/NQ-HĐQT ngày 15/01/2024 thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Tổng số cổ phiếu đã phân phối là 15.000.000 cổ phiếu và tổng số tiền thu được từ đợt chào bán là 150.000.000.000 đồng.

(***) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0208/2024/NQ-HĐQT, ngày 02/08/2024 Công ty đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu của Công ty.

26.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
- Ông Vũ Huy Đông	92.062.840.000	12,05%	92.062.840.000	15,77%
- Ông Đỗ Văn Khôi	39.695.000.000	5,20%	26.695.000.000	4,57%
- Ông Vũ Huy Đức	15.394.890.000	2,02%	33.824.890.000	5,79%
- Ông Đỗ Đức Khang	40.581.740.000	5,31%	30.581.740.000	5,24%
- Ông Nguyễn Lê Hùng	36.120.430.000	4,73%	33.120.430.000	5,67%
- Các Cổ đông khác	540.092.370.000	70,70%	367.662.370.000	62,96%
Cộng	763.947.270.000	100%	583.947.270.000	100%

26.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	583.947.270.000	437.790.340.000
+ Vốn góp tăng trong năm	180.000.000.000	146.156.930.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	763.947.270.000	583.947.270.000

26.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2024 CP	01/01/2024 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	76.394.727	58.394.727
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	76.394.727	58.394.727
+ Cổ phiếu phổ thông	76.394.727	58.394.727
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	76.394.727	58.394.727
+ Cổ phiếu phổ thông	76.394.727	58.394.727
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**26.5 CÁC QUỸ**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.410.274.952	10.410.274.952
Cộng	10.410.274.952	10.410.274.952

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2024	01/01/2024
Ngoại tệ các loại:		
- Yên Nhật (JPY)	-	54.000
- Dollar Mỹ (USD)	5.406.667,52	215.025,79
- Euro (EUR)	100,56	101,60

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu	1.628.994.904.330	1.641.849.464.703
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.395.325.664.401	1.414.748.368.359
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.865.237.103	34.935.086.846
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	186.852.749.287	178.219.714.958
- Doanh thu khác	33.951.253.539	13.946.294.540
Cộng	1.628.994.904.330	1.641.849.464.703
Doanh thu với các bên liên quan - (Thuyết minh số 42)	561.589.065.351	446.468.192.878

29. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	33.707.505	-
Trong đó:		
+ Hàng bán bị trả lại	33.707.505	-
Cộng	33.707.505	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.386.522.136.352	1.260.826.092.697
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.751.265.003	87.830.261.681
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	71.912.203.480	65.340.898.978
- Giá vốn khác	27.179.267.272	41.828.521.192
Cộng	1.495.364.872.107	1.455.825.774.548

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.187.694.743	26.887.688.253
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	8.614.259.755	16.838.003.942
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	369.411.913	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.724.165.151	3.069.117.631
Cộng	30.895.531.562	46.794.809.826

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	42.299.443.904	59.589.188.333
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	9.294.862.576	25.078.709.248
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	2.005.247.650
- Chi phí tài chính khác	150.000.000	371.180.096
Cộng	51.744.306.480	87.044.325.327

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	36.213.482.643	36.537.439.750
- Chi phí nhân viên quản lý	8.828.992.961	7.371.128.909
- Chi phí vật liệu quản lý	880.196.354	2.990.587.305
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.730.037.078	2.532.176.389
- Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	2.632.203.608	4.015.002.127
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.935.107.610	18.801.857.822
- Chi phí bằng tiền khác	206.945.032	826.687.198
Các khoản chi phí bán hàng	11.504.161.264	13.263.117.610
- Chi phí nhân viên	904.971.436	691.143.610
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.536.412.386	12.357.653.915
- Chi phí bằng tiền khác	62.777.442	214.320.085
Cộng	47.717.643.907	49.800.557.360

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

34. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	10.306.223.639	279.004.941
- Tiền phạt thu được	-	2.335.000.000
- Các khoản khác	87.807.328	930.133.257
Cộng	10.394.030.967	3.544.138.198

35. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Các khoản bị phạt, chi phí không hợp lý hợp lệ	44.993.446	1.213.479.976
- Các khoản chi phí khác	3.164.814.681	4.411.082.529
Cộng	3.209.808.127	5.624.562.505

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.546.358.671	11.256.574.395
Cộng	6.546.358.671	11.256.574.395

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	1.851.731.726	212.319.830
Cộng	1.851.731.726	212.319.830

38. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	899.350.046.985	625.420.672.515
- Chi phí nhân công	54.777.160.698	52.915.386.946
- Khấu hao tài sản cố định	79.083.596.981	74.278.057.184
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.122.681.877	168.642.491.630
- Chi phí bằng tiền khác	7.724.193.915	16.808.566.075
Cộng	1.132.057.680.456	938.065.174.350

39. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**39.1 SỐ CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG LƯU HÀNH BÌNH QUÂN**

	Năm 2024 CP	Năm 2023 CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	58.394.727	43.779.034
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	16.641.164	8.365.976
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	75.035.891	52.145.010

39.2 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận sau thuế	50.061.325.983	58.427.517.704
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông	50.061.325.983	58.427.517.704
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	75.035.891	52.145.010
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	667	1.120

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

40. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế (VND)	50.061.325.983	58.427.517.704
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông (VND)	50.061.325.983	58.427.517.704
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (CP)	75.035.891	52.145.010
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP)	-	15.000.000
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/CP)	667	870

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

41. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Năm 2024

Theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh Bông	Hoạt động kinh doanh Sợi	Hoạt động kinh doanh Khăn	Hoạt động kinh doanh Bất động sản	Hoạt động kinh doanh Khác	Tổng cộng toàn Công ty
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	193.090.333.847	840.793.041.243	330.248.748.692	186.852.749.287	78.010.031.261	1.628.994.904.330
Chi phí bộ phận trực tiếp	177.034.696.689	876.415.487.407	303.694.185.274	71.912.203.480	66.308.299.257	1.495.364.872.107
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.055.637.158	(35.622.446.164)	26.554.563.418	114.940.545.807	11.701.732.004	133.630.032.223

Theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng toàn Công ty
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	858.132.283.135	770.673.621.195	1.628.805.904.330
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	48.206.777.533	-	48.206.777.533
Tài sản bộ phận			2.555.639.045.703
Nợ phải trả bộ phận			1.646.524.530.902

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

41. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2023

Theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh Bông	Hoạt động kinh doanh Sợi	Hoạt động kinh doanh Khăn	Hoạt động kinh doanh Bất động sản	Hoạt động kinh doanh Khác	Tổng cộng toàn Công ty
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	225.296.910.042	709.115.584.878	347.600.086.279	178.219.714.958	181.617.168.546	1.641.849.464.703
Chi phí bộ phận trực tiếp	211.076.255.600	733.765.465.976	318.431.425.684	65.340.898.978	127.211.728.310	1.455.825.774.548
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.220.654.442	(24.649.881.098)	29.168.660.595	112.878.815.980	54.405.440.236	186.023.690.155

Theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng toàn Công ty
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	882.865.564.158	758.983.900.545	1.641.849.464.703
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	85.252.409.739	-	85.252.409.739
Tài sản bộ phận			2.500.226.075.319
Nợ phải trả bộ phận			1.585.541.464.673

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

42. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Bên Liên quan**

Công ty Cổ phần - Viện nghiên cứu Dệt May
Công ty cổ phần Đầu tư An Ninh Thái Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng xanh AD
Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn
Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong
Công ty TNHH Golf Long Hưng
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu API
Công ty Cổ phần Đầu tư ADP
Bà Vũ Phương Diệp
Công ty Cổ phần Năng lượng xanh ADE
Công ty TNHH Xây dựng Đức Dũng Thái Bình

Mối quan hệ

Công ty liên danh, liên kết
Công ty liên danh, liên kết
Công ty liên danh, liên kết
Công ty liên danh, liên kết
Cùng chung người quản lý chủ chốt
Cùng chung người quản lý chủ chốt
Cùng chung người quản lý chủ chốt
Cùng chung người quản lý chủ chốt
Cùng chung người quản lý chủ chốt
Phó Tổng Giám đốc
Cùng chung người quản lý chủ chốt
Cùng chung người quản lý chủ chốt

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2024 với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với bên liên quan:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	561.589.065.351	446.468.192.878
Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong	142.699.800.223	113.790.186.104
Công ty TNHH Golf Long Hưng	68.779.099.062	44.370.252.672
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu API	37.801.589.238	39.587.523.041
Công ty Cổ phần Đầu tư ADP	97.665.432.904	41.145.103.704
Công ty cổ phần Đầu tư An Ninh Thái Bình	120.724.183.330	128.858.963.125
Công ty Cổ phần Năng lượng xanh ADE	33.830.875.511	5.692.657.960
Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng xanh AD	172.467.885	44.687.077.984
Công ty TNHH Xây dựng Đức Dũng Thái Bình	59.915.617.198	28.336.428.288
Mua hàng hóa dịch vụ	1.315.137.306.519	871.003.856.666
Công ty TNHH Đông Phong	92.668.643.007	142.985.235.175
Công ty TNHH Golf Long Hưng	127.027.713.756	190.855.147.881
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu API	65.766.863.488	57.816.357.210
Công ty Cổ phần Đầu tư ADP	138.906.457.958	18.134.740.031
Công ty cổ phần Đầu tư An Ninh Thái Bình	570.977.413.466	456.782.264.865
Công ty TNHH Xây dựng Đức Dũng Thái Bình	207.410.962.176	-
Công ty Cổ phần Năng lượng xanh ADE	3.048.446.090	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng xanh AD	109.330.806.578	4.430.111.504
Thu nhập khác	21.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong	1.500.000.000	-
Công ty TNHH Golf Long Hưng	19.500.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

42. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**Số dư với các bên liên quan:**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu khách hàng	46.044.466.352	38.888.358.511
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu API	-	-
Công ty TNHH Golf Long Hưng	-	-
Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong	14.142.844.637	3.865.149.100
Công ty Cổ phần Đầu tư ADP	-	28.761.334.766
Công ty Cổ phần Năng lượng xanh ADE	31.712.371.326	6.261.874.645
Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng xanh AD	189.250.389	-
Trả trước cho nhà cung cấp	151.645.837.348	187.037.552.440
Công ty TNHH Golf Long Hưng	43.605.265.458	103.571.253.617
Công ty TNHH Xây dựng Đức Dũng Thái Bình	31.547.287.142	-
Công ty Cổ phần đầu tư ADP	21.632.924.683	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng xanh AD	54.860.360.065	74.929.247.301
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu API	-	8.537.051.522
	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu khác	4.179.432.108	19.507.702.287
Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong	76.306.182	76.306.182
Công ty TNHH Golf Long Hưng	3.778.000.000	6.395.908.333
Công ty Cổ phần Năng lượng xanh ADE	-	898.109.000
Công ty Cổ phần Đầu tư ADP	3.703.704	3.703.704
Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng xanh AD	321.422.222	-
Bà Vũ Phương Diệp	-	12.133.675.068
Phải trả người bán	44.724.660.576	1.700.868.472
Công ty Cổ phần Đầu tư An Ninh Thái Bình	37.244.536.296	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu API	7.480.124.280	-
Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong	-	1.700.868.472
Phải thu về cho vay	90.000.000	11.090.000.000
Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong	90.000.000	90.000.000
Công ty TNHH Golf Long Hưng	-	-
Bà Vũ Phương Diệp	-	11.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

42. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:	2.866.276.526	3.297.500.617
Ông Vũ Huy Đông	629.643.942	681.944.564
Ông Nguyễn Lê Hùng	120.000.000	130.000.000
Ông Đỗ Văn Khôi	156.000.000	169.000.000
Ông Lê Văn Tuấn	120.000.000	130.000.000
Ông Vũ Huy Đức	343.523.865	418.396.728
Bà Vũ Phương Diệp	393.586.250	423.481.738
Ông Phạm Văn Thượng	120.000.000	130.000.000
Ông Vương Quốc Dương	530.710.256	562.160.806
Ông Lê Xuân Chiến	452.812.212	487.884.089
Nguyễn Thiên Huy	-	164.632.692
(Miễn nhiệm từ ngày 26/05/2024)		
Thù lao của Ban kiểm soát	537.468.269	587.409.959
Bà Vũ Thùy Linh	244.766.692	212.232.542
Bà Phạm Thị Hòì	168.932.538	226.680.514
Bà Tạ Thị Thu Hiền	123.769.038	148.496.903
Cộng	3.403.744.795	3.884.910.575

43. THÔNG TIN KHÁC**43.1 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

43.2 CÁC CAM KẾT KHÁC

Theo hợp đồng thuê đất số 68/HĐ/TĐ ngày 01/09/2006 giữa Công ty Cổ phần Dệt sợi Damsan (nay là Công ty Cổ phần Damsan) và Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình, Công ty thuê diện tích đất 22.253 m² tại khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh – Thành phố Thái Bình để xây dựng nhà máy kéo sợi dệt may (hiện tại là nhà máy Damsan I). Tiền thuê đất hợp đồng này được phân bổ hàng năm vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

43. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**43.2 CAM KẾT KHÁC (TIẾP)**

Theo hợp đồng thuê đất số 78/HĐ/TĐ ngày 25/07/2007 giữa Công ty Cổ phần dệt sợi Damsan (nay là Công ty Cổ phần Damsan) và Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, Công ty thuê diện tích đất 60.000 m², thời hạn thuê tới hết ngày 31/12/2040 tại khu công nghiệp Gia Lễ - xã Đông Xuân - Đông Hưng để xây dựng nhà máy sản xuất sợi Damsan II. Theo phụ lục hợp đồng thuê đất số 19/PLHĐ/TĐ ngày 23/02/2016 về việc điều chỉnh diện tích đất thuê thành 36.431,6 m². Tiền thuê đất hợp đồng này được phân bổ hàng năm vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Theo hợp đồng thuê đất số 06/2022/HĐTĐES-DS, giữa Công ty Cổ phần Damsan và Công ty Cổ phần Sợi Eiffel giá trị hợp đồng 54.127.790.123 đồng, thời hạn hợp đồng kết thúc vào ngày 04/09/2067. Tiền thuê đất hợp đồng này sẽ được phân bổ hàng năm vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

44. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

Thái Bình, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Thị Dung



Trần Minh Hà



Lê Xuân Chiến



CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, Đường Bùi Viện, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh
Thành phố Thái Bình

Phòng kinh doanh Sợi Bông:

Tel+84 2273.643.826

Fax+84 2273.648 569

Email: cotton@damsanjsc.vn – yarn@damsanjsc.vn

Phòng kinh doanh khăn

Phòng kinh doanh Khăn:

Tel: +84 2273.643.826

Fax: +84.2273.568.699

Email: cotton@damsanjsc.vn – yarn@damsanjsc.vn

Phòng tổ chức hành chính:

Tel: +84 2273.643.826 | +84 2273.568.668 (Máy lẻ 101)

Email: hc1@damsanjsc.vn – hc2@damsanjsc.vn